

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đào Kim Chi

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ
DỊCH VỤ CẢNG CÁI LÂN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Đào Kim Chi

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đào Kim Chi

Mã SV: 1312401175

Lớp: QT1703K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.
 - ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân
 - ✓ Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong tổ chức công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng làm cơ sở để đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - ✓ Sử dụng số liệu năm 2016 phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Hồng

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 5 tháng 4 năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 25 tháng 6 năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Đào Kim Chi

ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

Hải Phòng, ngày tháng năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

+ Cần cù, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu cho bài viết và luôn có tinh thần học hỏi cao.

+ Luôn viết và nộp bài theo đúng tiến độ do nhà trường, giáo viên hướng dẫn quy định.

+ Luôn chủ động và nghiêm túc trong công tác nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên **Đào Kim Chi** đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được sắp xếp hợp lý, khoa học với 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ cảng Cái Lân. Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán. Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được tương đối chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2016). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ cảng Cái Lân. Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tế tại công ty và có tính khả thi cao.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bảng số: Bảng chữ:

Hải Phòng, ngày 04 tháng 07 năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	2
1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1.1. Khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	2
1.1.1.1. Doanh thu	2
1.1.1.2. Chi phí.....	4
1.1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	6
1.2. NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....	7
1.2.1. Kế toán giá vốn bán hàng và chi phí quản lý kinh doanh.....	7
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng	7
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng	7
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán	9
1.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu	12
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.....	12
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng	12
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán	15
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	16
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng.....	16
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng	17
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán	17
1.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	19
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng.....	19
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng	19
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán	19
1.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	21
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng.....	21

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng	21
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán	21
1.3. TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	23
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	23
1.3.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung.....	23
1.3.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	23
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	24
1.3.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	24
1.3.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	25
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	25
1.3.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	25
1.3.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	26
1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính	26
1.3.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính	26
1.3.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	26
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CẢNG CÁI LÂN	28
2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CẢNG CÁI LÂN.....	28
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển	28
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh	29
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý.....	29
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán	31
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	31
2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty	34
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán	34
2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán	34
2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính	34
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CẢNG CÁI LÂN	35

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty.....	35
2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty.....	35
2.2.1.2. Chứng từ sử dụng.....	36
2.2.1.3. Tài khoản sử dụng.....	36
2.2.1.4. Quy trình hạch toán.....	36
2.2.1.5. Ví dụ minh họa.....	38
2.2.2. Kế toán giá vốn bán hàng.....	49
2.2.2.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán tại công ty.....	49
2.2.2.2. Chứng từ sử dụng.....	49
2.2.2.3. Tài khoản sử dụng.....	49
2.2.2.4. Quy trình hạch toán.....	49
2.2.2.5. Ví dụ minh họa.....	50
2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	56
2.2.3.1. Chứng từ sử dụng.....	56
2.2.3.2. Tài khoản sử dụng.....	56
2.2.3.3. Quy trình hạch toán.....	56
2.2.3.5. Ví dụ minh họa.....	56
2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	61
2.2.4.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh tại công ty.....	61
2.2.4.2. Chứng từ sử dụng.....	61
2.2.4.3. Tài khoản sử dụng.....	61
2.2.4.4. Quy trình hạch toán.....	61
2.2.4.5. Ví dụ minh họa.....	62
2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	68
2.2.5.1. Đặc điểm xác định kết quả kinh doanh.....	68
2.2.5.2. Chứng từ sử dụng.....	68
2.2.5.3. Tài khoản sử dụng.....	68
2.2.5.4. Quy trình hạch toán.....	68

CHƯƠNG 3 MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC	77
3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CẢNG CÁI LÂN	77
3.1.1. Ưu điểm.....	77
3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty	79
3.2. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CẢNG CÁI LÂN.....	80
3.2.1. Ứng dụng phần mềm kế toán	80
3.2.2. Hoàn thiện hệ thống số sách kế toán tại công ty	84
3.2.3. Mở sổ nhật ký đặc biệt trong công tác kế toán bán hàng.....	88
3.2.4. Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại	91
KẾT LUẬN	98
TÀI LIỆU THAM KHẢO	99

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ	9
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên	10
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh	11
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trực tiếp	15
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý	15
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp	16
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức đổi hàng	16
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	18
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác	20
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh	22
Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung	24
Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	25
Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	26
Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính	27
Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân	30
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân	32
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân	37
Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn tại công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân	49
Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân	56
Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân	62
Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân	69
Sơ đồ 2.8: Sơ đồ quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân	69

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000731	39
Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT số 0000745	40
Biểu 2.3: Phiếu thu số 35	41
Biểu 2.4: Sổ nhật ký chung	42
Biểu 2.5: Sổ cái TK 511	43
Biểu 2.6: Sổ chi tiết bán hàng	44
Biểu 2.7: Sổ chi tiết bán hàng	45
Biểu 2.8: Sổ tổng hợp chi tiết bán hàng	46
Biểu 2.9: Sổ chi tiết thanh toán với người mua	47
Biểu 2.10: Sổ tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua	48
Biểu 2.11: Phiếu xuất kho số 29/12	52
Biểu 2.12: Phiếu xuất kho số 32/12	53
Biểu 2.13: Sổ nhật ký chung	54
Biểu 2.14: Sổ cái TK 632	55
Biểu 2.15: Giấy báo có	57
Biểu 2.16: Sổ nhật ký chung	58
Biểu 2.17: Sổ cái TK 515	60
Biểu 2.18: Hóa đơn GTGT số 0219057	63
Biểu 2.19: Phiếu chi số 26	64
Biểu 2.20: Bảng danh mục TSCĐ và mức trích khấu hao	65
Biểu 2.21: Sổ nhật ký chung	66
Biểu 2.22: Sổ cái TK 642	67
Biểu 2.23: Phiếu hạch toán	70
Biểu 2.24: Phiếu hạch toán	71
Biểu 2.25: Phiếu hạch toán	71
Biểu 2.26: Phiếu hạch toán	72
Biểu 2.27: Phiếu hạch toán	72
Biểu 2.28: Sổ nhật ký chung	73
Biểu 2.29: Sổ cái TK 911	75
Biểu 2.30: Sổ cái TK 421	76
Biểu 3.1: Phiếu xuất kho số 29/12	85
Biểu 3.2: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán	86
Biểu 3.3: Sổ tổng hợp giá vốn hàng bán	87

Biểu 3.4: Sổ nhật ký bán hàng	89
Biểu 3.5: Sổ Nhật ký thu tiền.....	90
Biểu 3.6: Hóa đơn GTGT số 0000731	93
Biểu 3.7. Phiếu chi số 22.....	94
Biểu 3.8: Phiếu hạch toán số 25/12.....	95
Biểu 3.9: Sổ nhật ký chung	96
Biểu 3.10: Sổ cái TK 521	97

LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện kinh tế hiện nay, để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua chỉ tiêu tổng hợp lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và tỷ suất của nó. Để đạt được mục tiêu trên thì doanh thu bán hàng phải lớn hơn chi phí bỏ ra. Nhờ vậy, doanh thu bán hàng và kết quả bán hàng là hai mặt của một vấn đề, có mối quan hệ tỷ lệ thuận với nhau trong đó doanh thu là điều kiện tiên quyết, quyết định hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh.

Xuất phát từ tầm quan trọng của vấn đề nêu trên, qua quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân, được sự giúp đỡ của ban giám đốc, các cán bộ phòng Kế toán, cùng sự hướng dẫn tận tình của giáo viên hướng dẫn TH.S.Nguyễn Thị Thúy Hồng, em đi sâu vào nghiên cứu đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân”***

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân.

Chương 3: Một số ý biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân.

Mặc dù đã rất cố gắng song vì bản thân chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế nên khóa luận chắc chắn không tránh khỏi sai sót. Do vậy em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn sinh viên để hoàn thiện hơn bài khóa luận của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1.1. Khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.1.1. Doanh thu

Khái niệm

Doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn của chủ sở hữu.

Các loại doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...) nếu có.

- Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa
- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- + Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng:

+ *Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp*: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

+ *Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng*: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

+ *Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp*: Theo tiêu thức này doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không gồm lãi trả chậm, trả góp.

+ *Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý*: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

- *Giảm giá hàng bán*: là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- *Chiết khấu thương mại*: là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.

- *Hàng bán bị trả lại*: là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

- *Thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp)*: thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

- *Thuế xuất khẩu*: là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu hoạt động tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản thu tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Theo chuẩn mực kế toán số 14, thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.1.2. Chi phí***Khái niệm***

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Các loại chi phí

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa hoặc giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Theo chuẩn mực kế toán 02 có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng bán:

+ *Phương pháp bình quân gia quyền*: giá trị của từng loại hàng tồn được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị hàng tồn kho tương tự được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của mỗi doanh nghiệp.

+ *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)*: áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương

pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

+ *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)*: áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

+ *Phương pháp tính theo giá đích danh*: được áp dụng đối với doanh nghiệp ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

Chi phí hoạt động tài chính: là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn,...

Chi phí quản lý kinh doanh: là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành,... và các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung tại doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp,...

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

+ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

+ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu

nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận từ năm trước.

Chi phí khác: là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động của doanh nghiệp.

1.1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh

- Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

+ **Kết quả hoạt động tài chính:** là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

$$\text{Lợi nhuận tài chính} = \frac{\text{Doanh thu hoạt động tài chính}}{\text{tài chính}} - \text{Chi phí tài chính}$$

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

+ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý kinh doanh.

$$\begin{matrix} \text{Lợi nhuận} \\ \text{thuần từ} \\ \text{hoạt động} \\ \text{sản xuất} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Doanh thu bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ} \\ \text{doanh thu} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{kinh doanh} \end{matrix}$$

+ **Kết quả hoạt động khác:** là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác với các khoản chi phí khác.

$$\text{Lợi nhuận hoạt động khác} = \text{Thu nhập hoạt động khác} - \text{Chi phí hoạt động khác}$$

+ **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:** là tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận từ hoạt động SXKD} + \text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} + \text{Lợi nhuận khác}$$

+ **Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:** là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế}}{\text{Thuế suất thuế TNDN}}$$

+ *Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế}}{\text{Thuế TNDN phải nộp}}$$

1.2. NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.2.1. Kế toán giá vốn bán hàng và chi phí quản lý kinh doanh

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho
- Hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

- Dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

Kết cấu tài khoản 632

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho. 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

- Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tiểu khoản:
- + Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng
- + Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

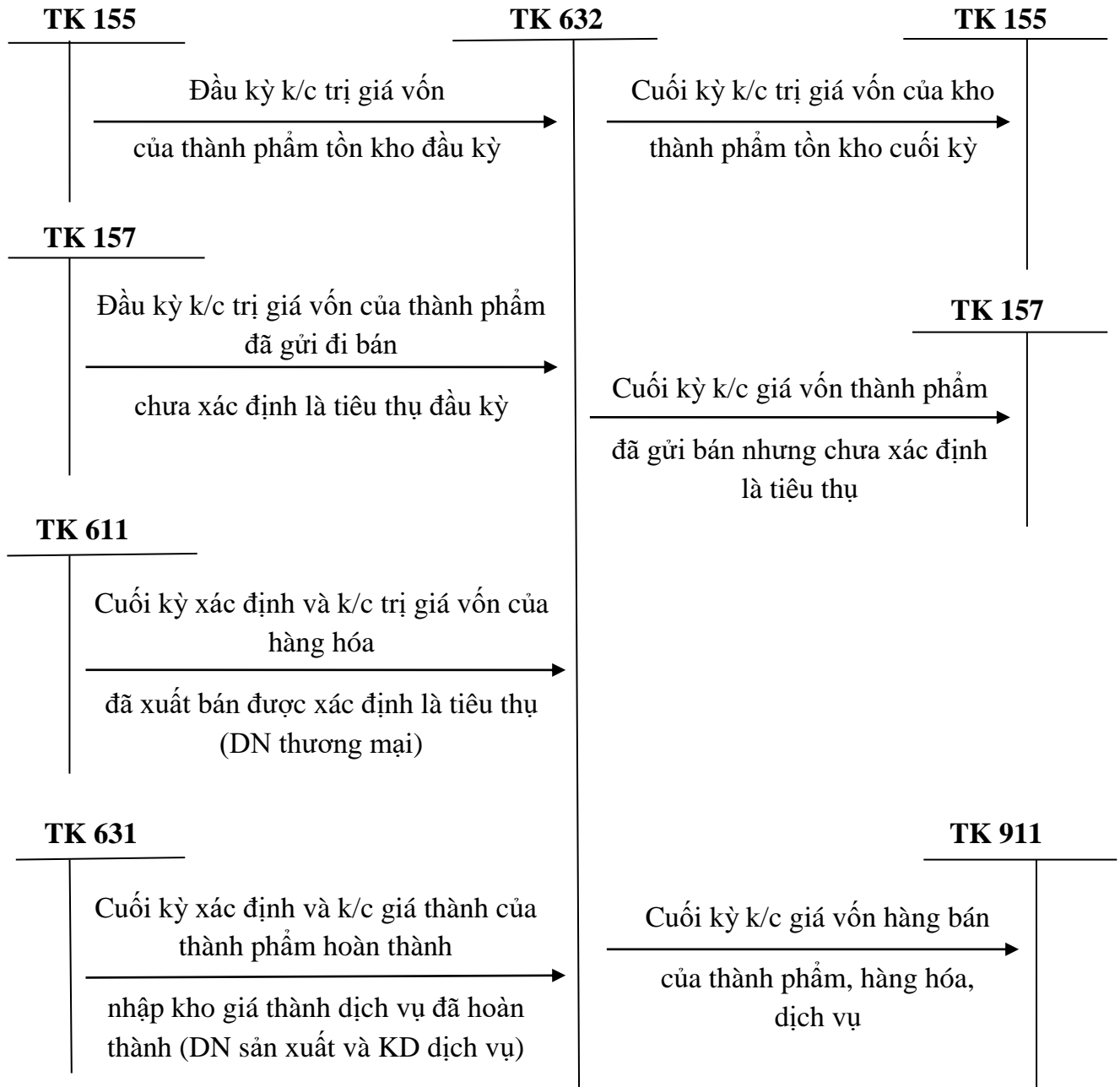
Kết cấu tài khoản 642

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Dự phòng trợ cấp mất việc làm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911. 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

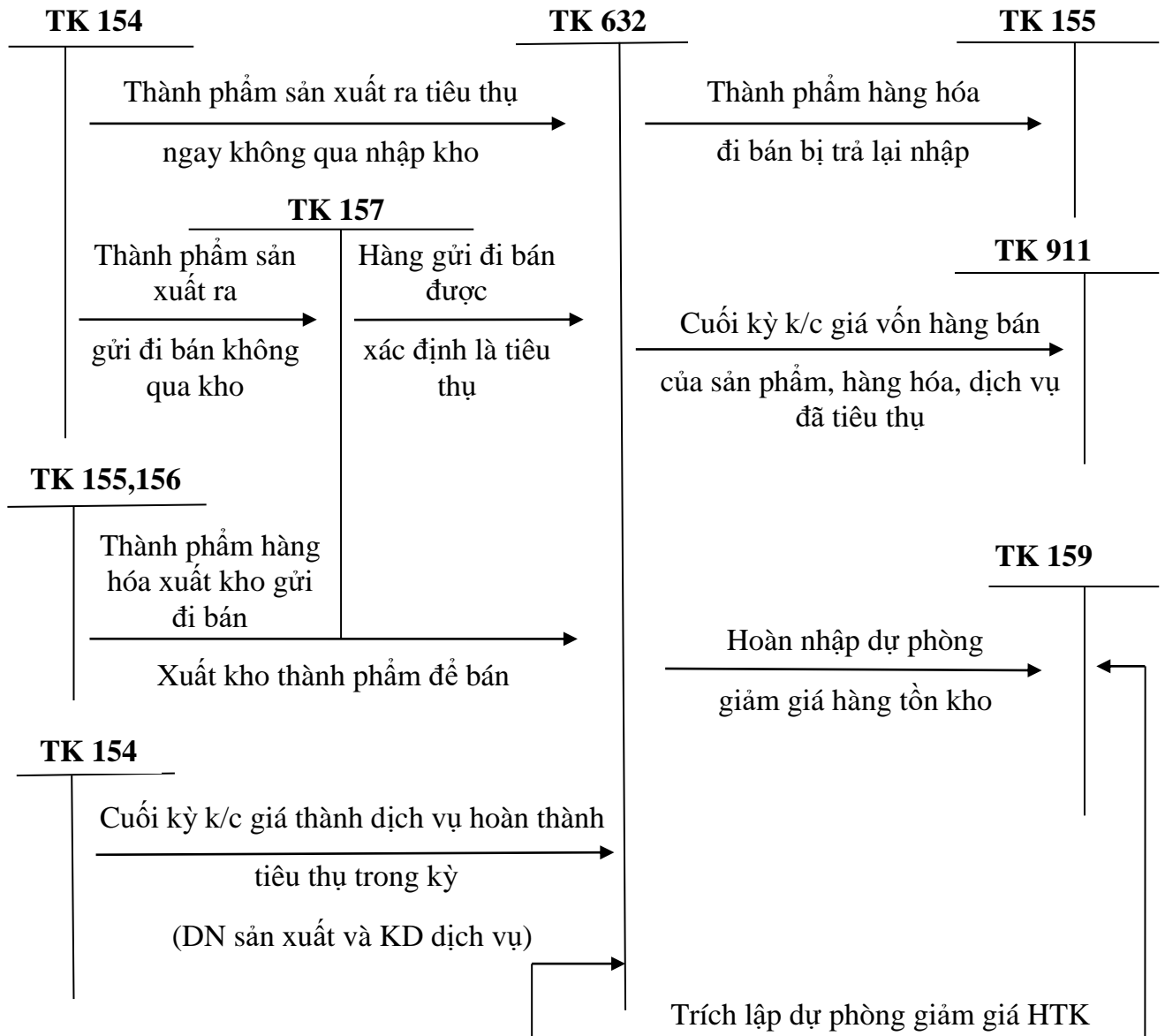
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

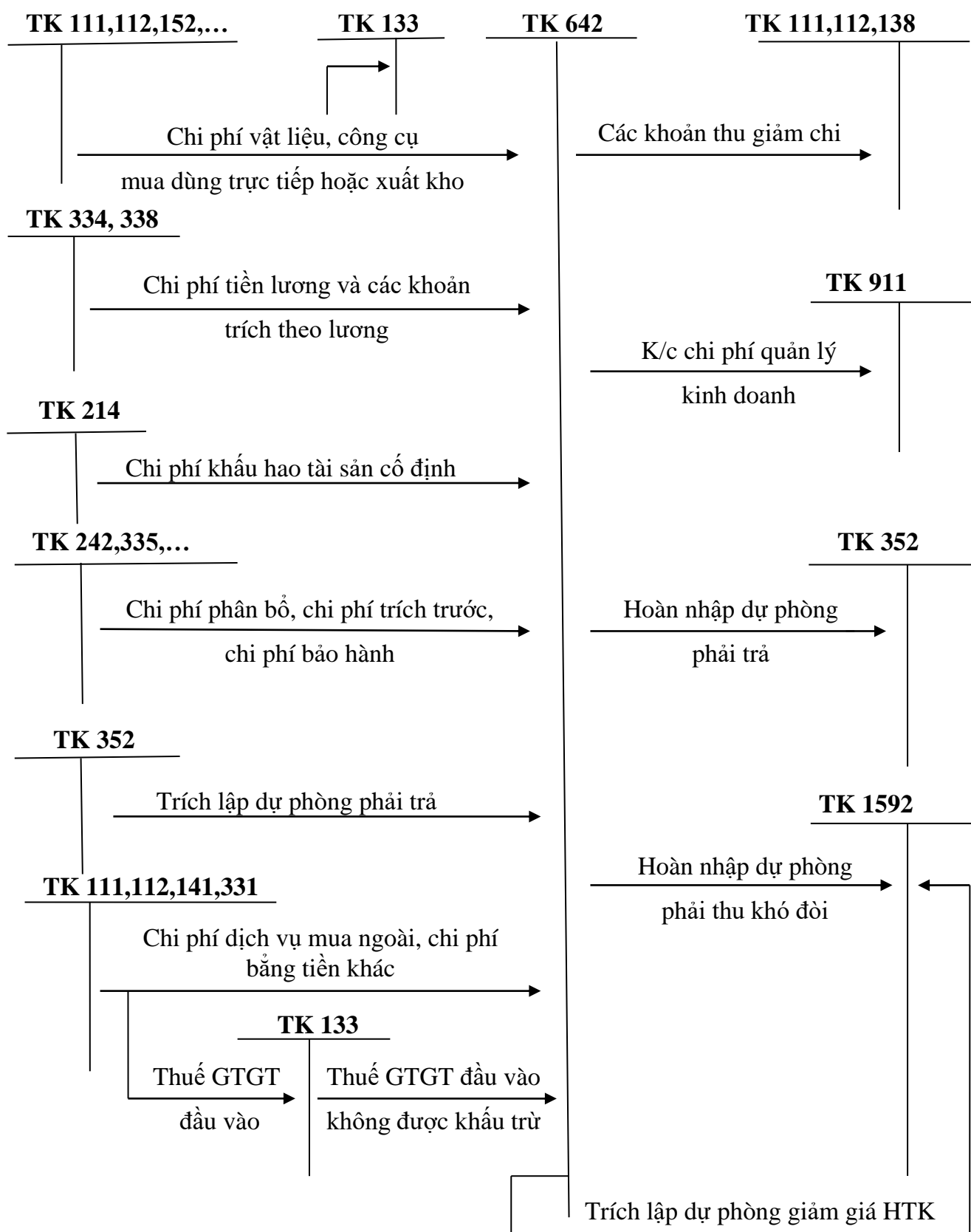
Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



1.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có ngân hàng, bảng kê sao của ngân hàng, ủy nhiệm thu, séc thanh toán, séc chuyển khoản...
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

+ Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

+ Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã được thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như dịch vụ vận tải, du lịch,...

- Tài khoản 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tiểu khoản:

- + Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- + Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

Kết cấu tài khoản 511

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ. - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911. 		<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

- Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách trả lại hoặc hàng bán được giảm giá.

- Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3 tiểu khoản:

- + Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại
- + Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại
- + Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

Kết cấu tài khoản 521

Nợ	TK 521	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán. - Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ 		<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang TK 511.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, có 9 tiểu khoản, trong đó sử dụng 3 tài khoản cấp 2 sau để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.

- + Tài khoản 3331 – Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- + Tài khoản 3332 – Thuế tiêu thụ đặc biệt
- + Tài khoản 3333 – Thuế xuất nhập khẩu

Kết cấu tài khoản 333

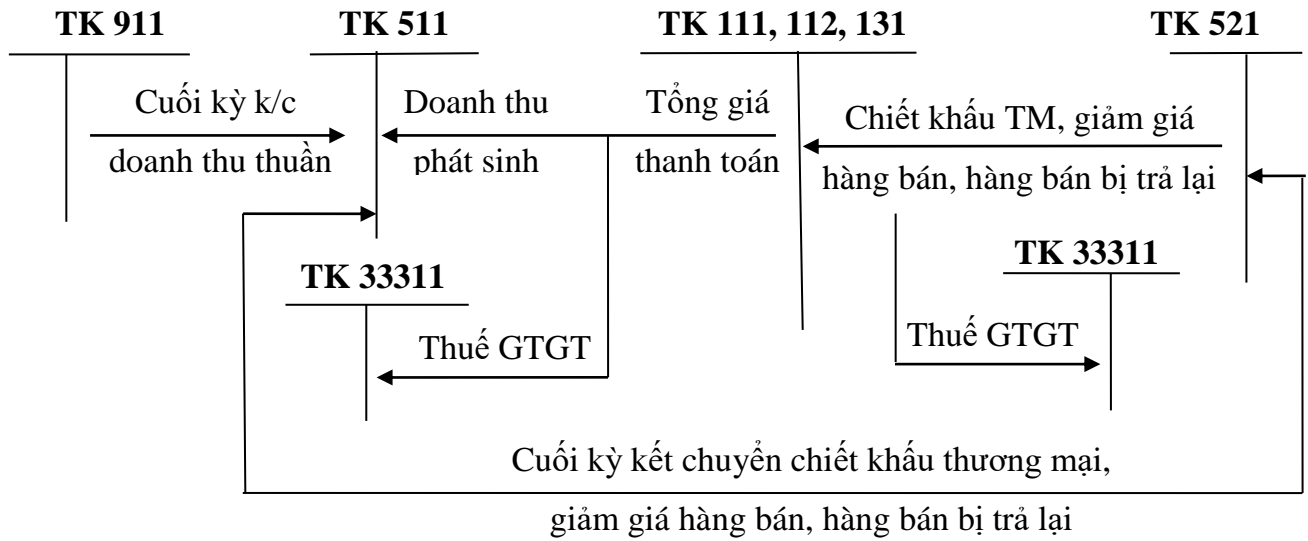
Nợ	TK 333	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ. - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước. - Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp. - Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp. - Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước. 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Số dư bên Có: số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

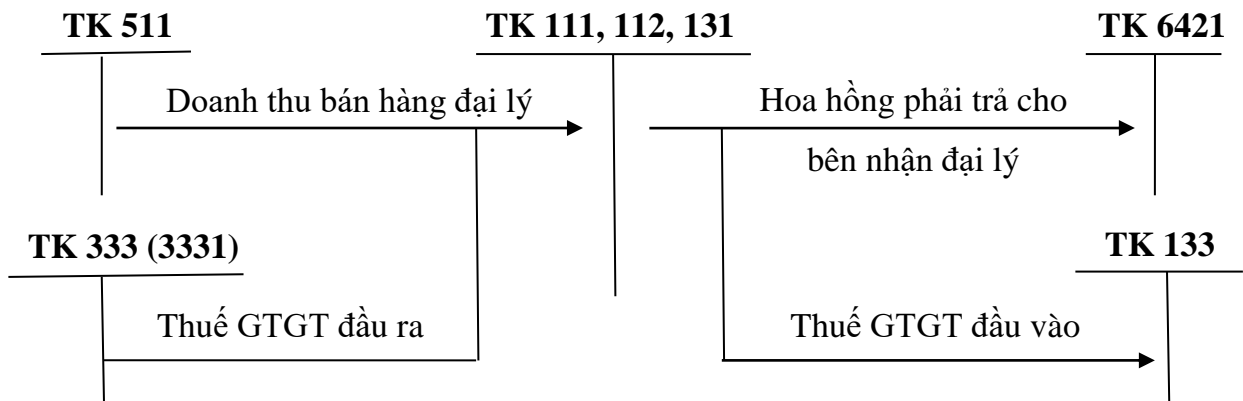
Trong trường hợp cá biệt, tài khoản 333 có thể có số dư bên nợ. Số dư bên Nợ (nếu có) của tài khoản 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm cho thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu.

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán

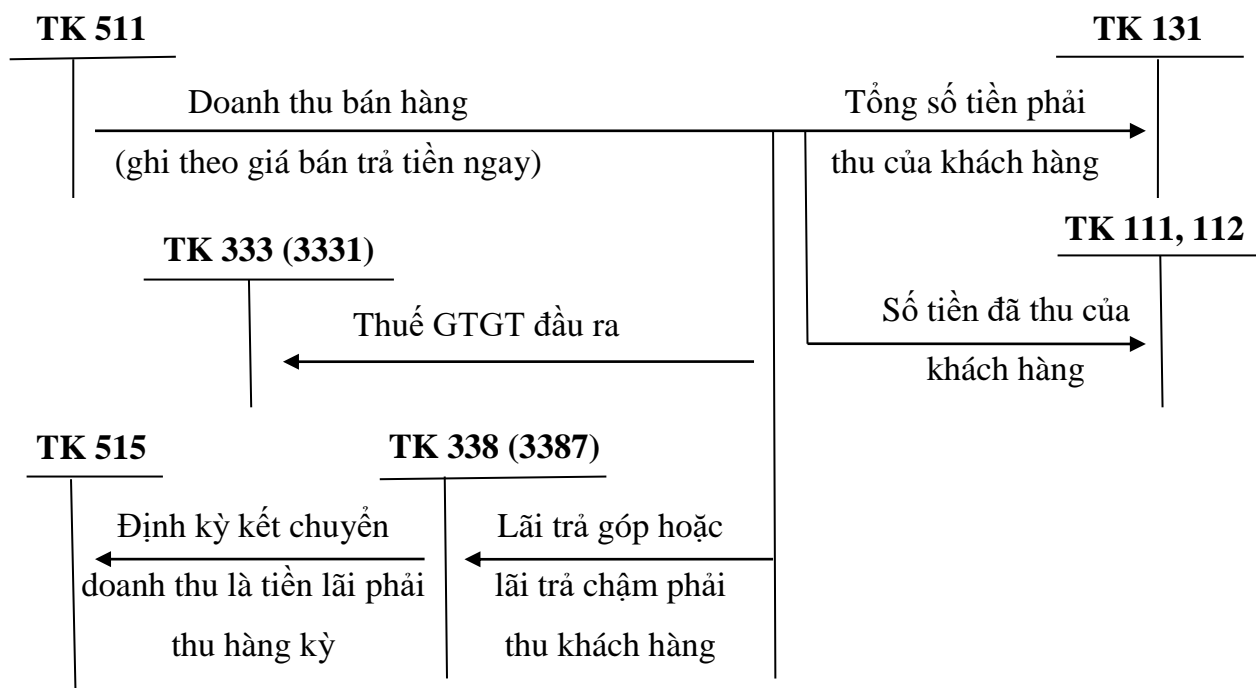
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trực tiếp



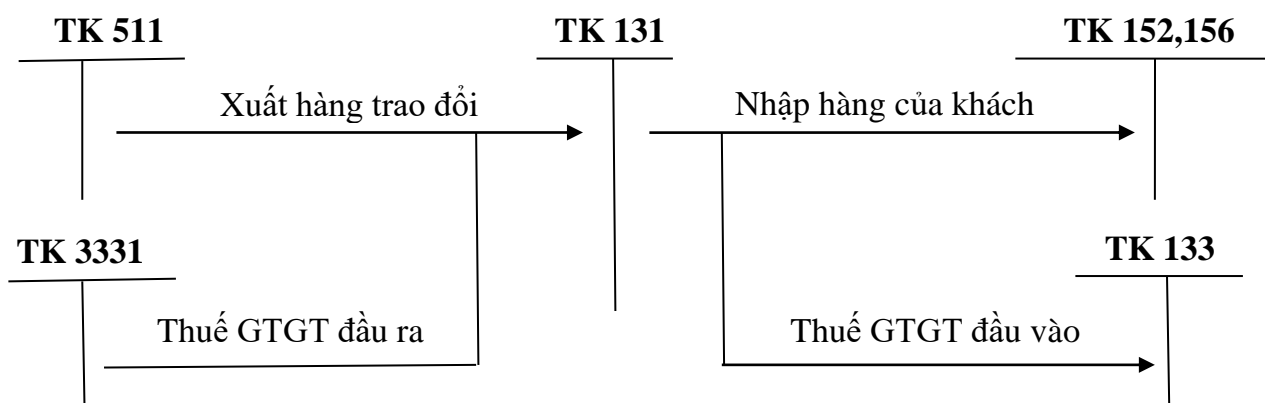
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức ký gửi đại lý



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức trả chậm, trả góp



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán bán hàng phương thức đổi hàng



1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có, giấy báo nợ
- Phiếu chi, phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Kết cấu tài khoản 515

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết - Chiết khấu thương mại được hưởng lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

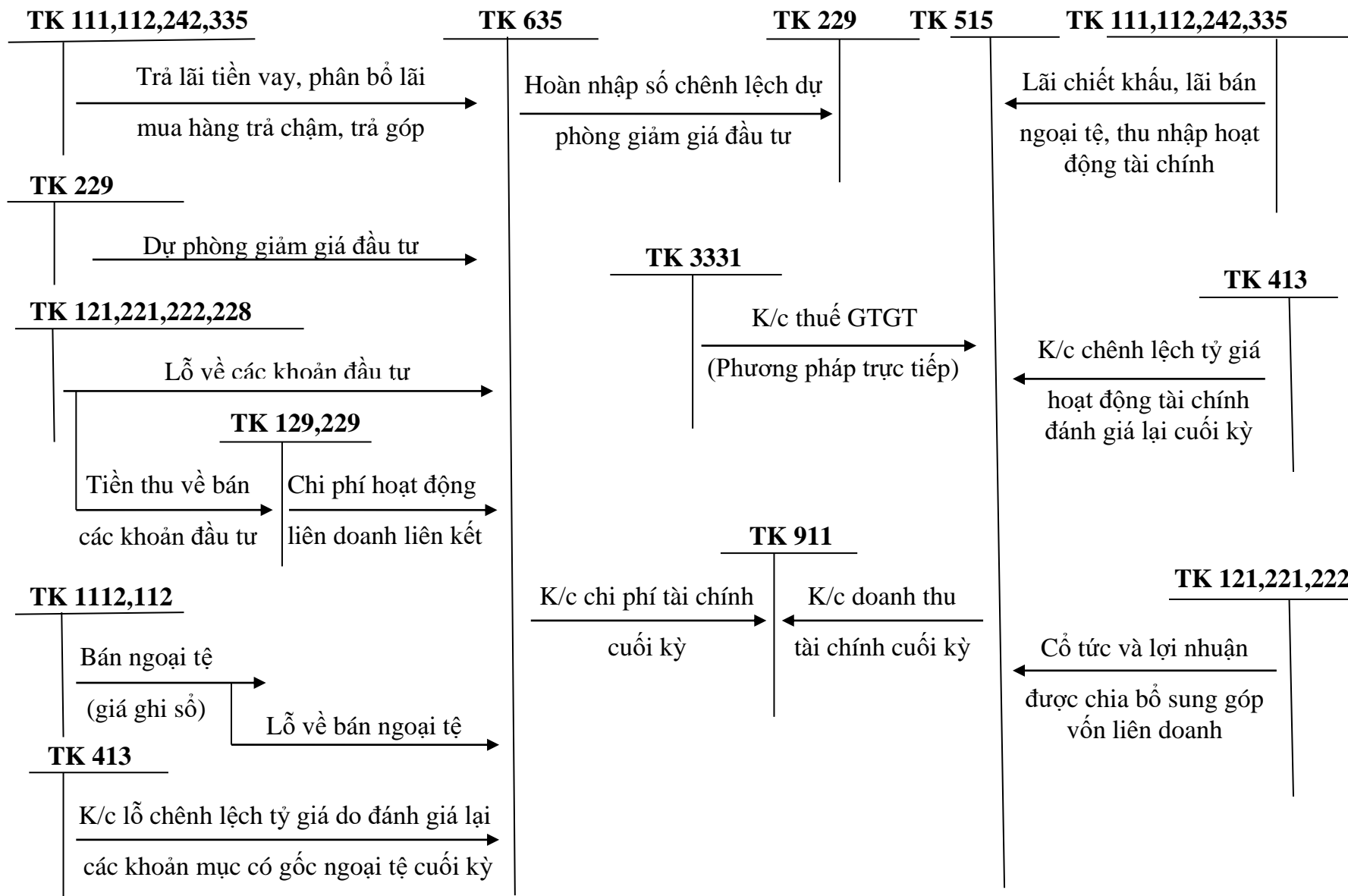
Kết cấu tài khoản 635

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí hoạt động tài chính - Các khoản lỗ về đầu tư tài chính - Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính



1.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Biên bản đánh giá tài sản
- Biên bản thanh lý nhượng bán tài sản cố định
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu, phiếu chi

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Kết cấu tài khoản 711

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911.		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 811 - Chi phí khác

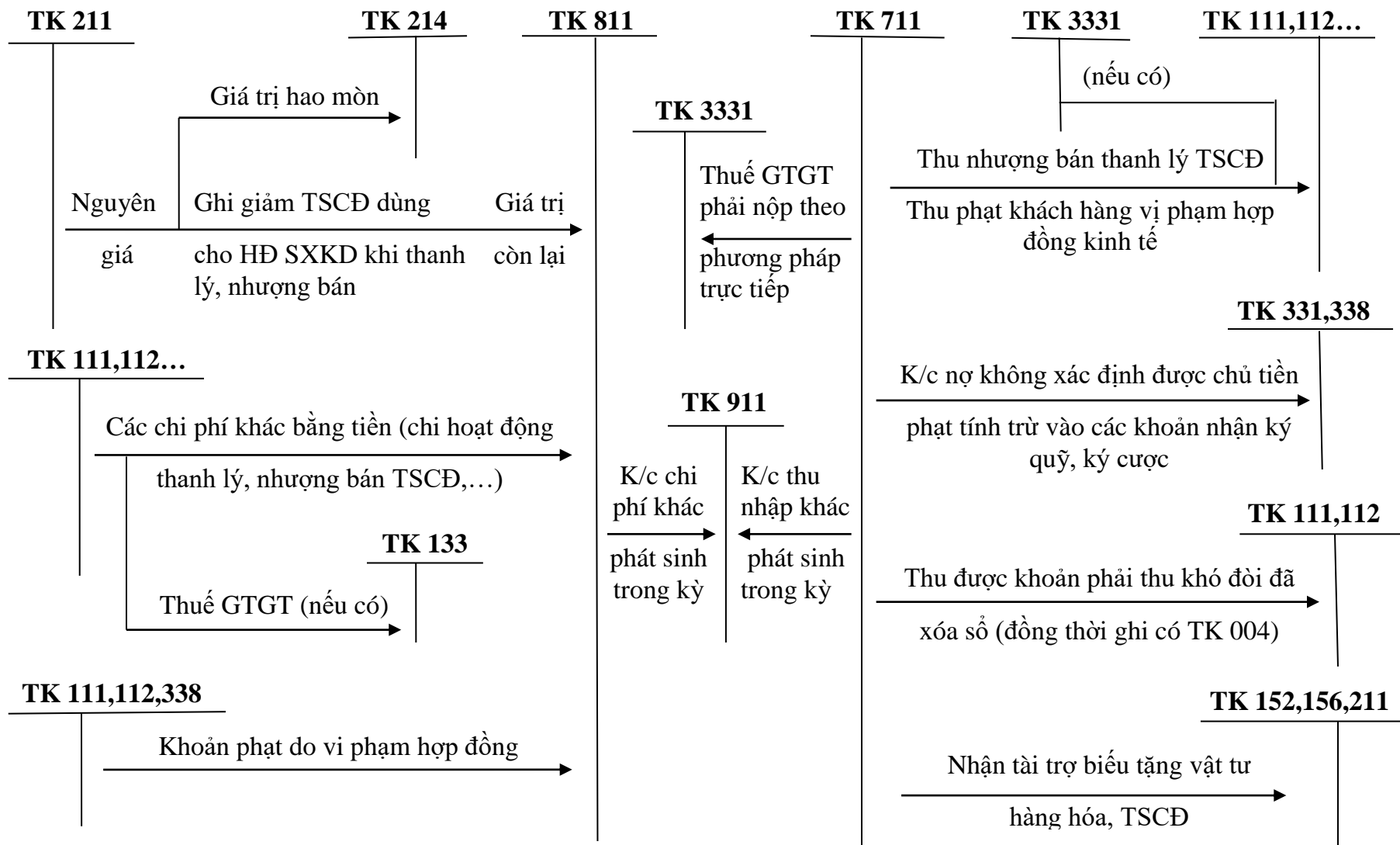
Kết cấu tài khoản 811

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh.		- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác



1.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu hạch toán

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Kết cấu tài khoản 911

Nợ

TK 911

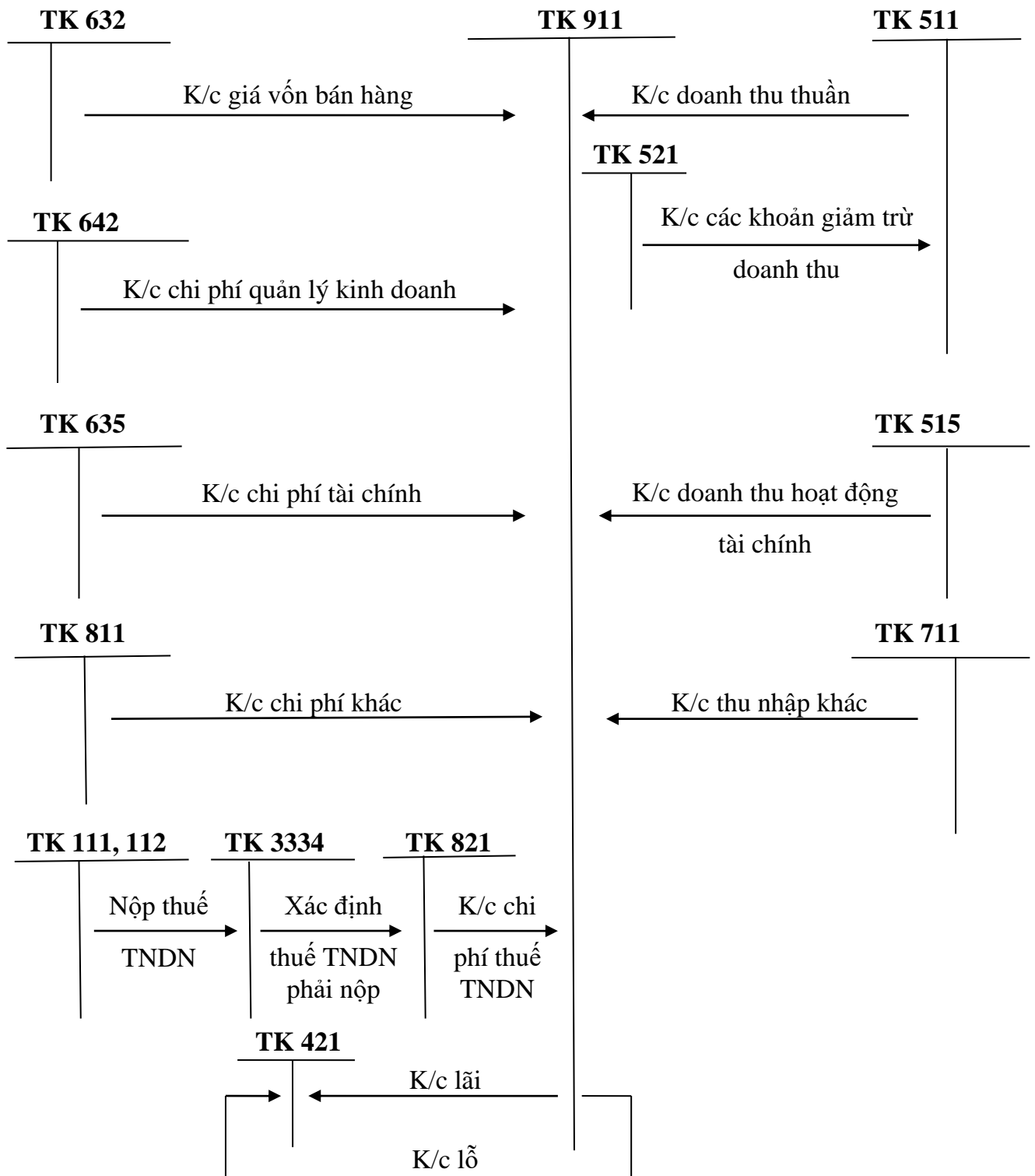
Có

<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. - Kết chuyển lãi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ
<p>Tổng phát sinh nợ</p>	<p>Tổng phát sinh có</p>

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 4 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên Máy vi tính

Trong mỗi hình thức, sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

1.3.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

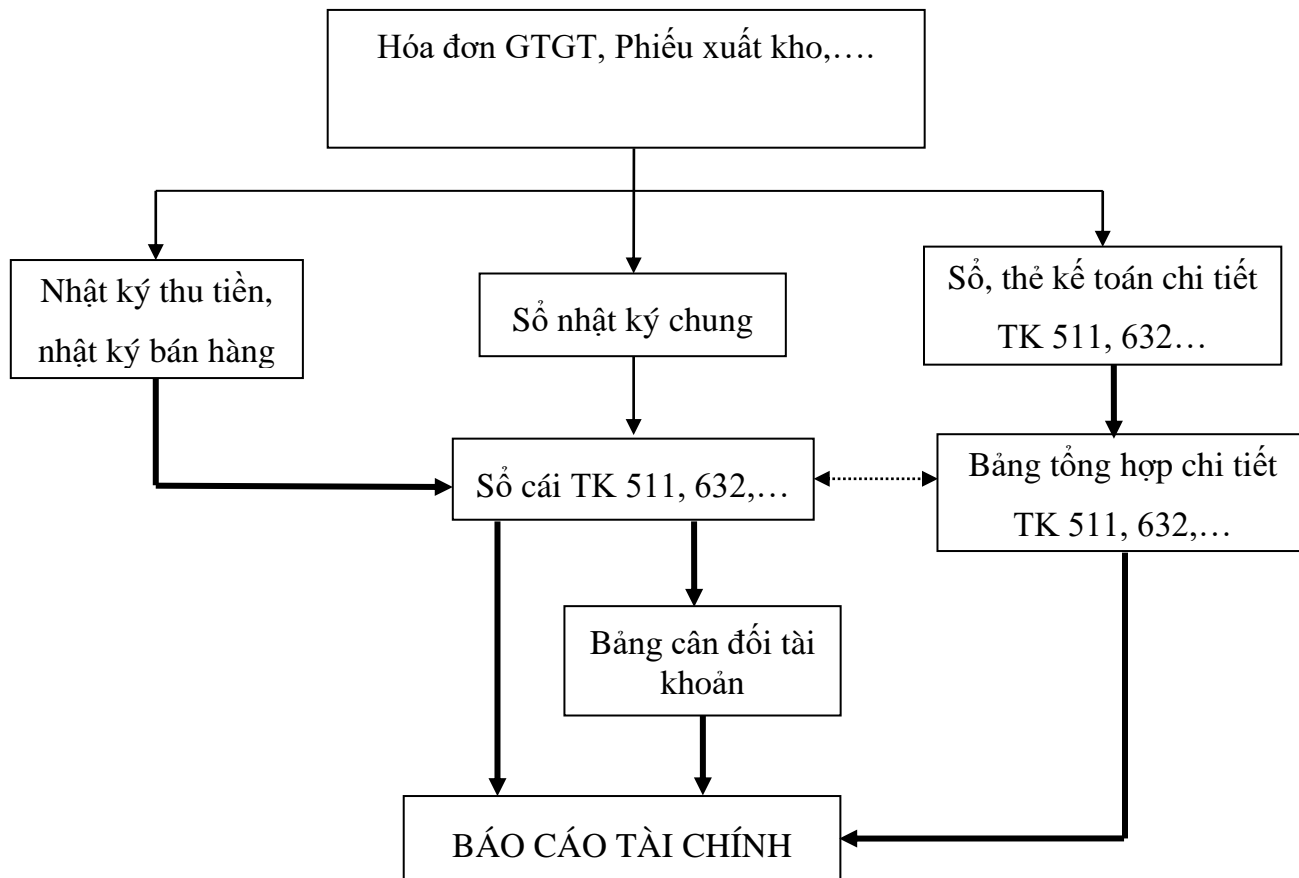
Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- + Nhật ký chung; sổ nhật ký đặc biệt
- + Sổ cái
- + Sổ, thẻ chi tiết

1.3.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú: Ghi hàng ngày: —————→
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: —————→
 Đối chiếu: <----->

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

1.3.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

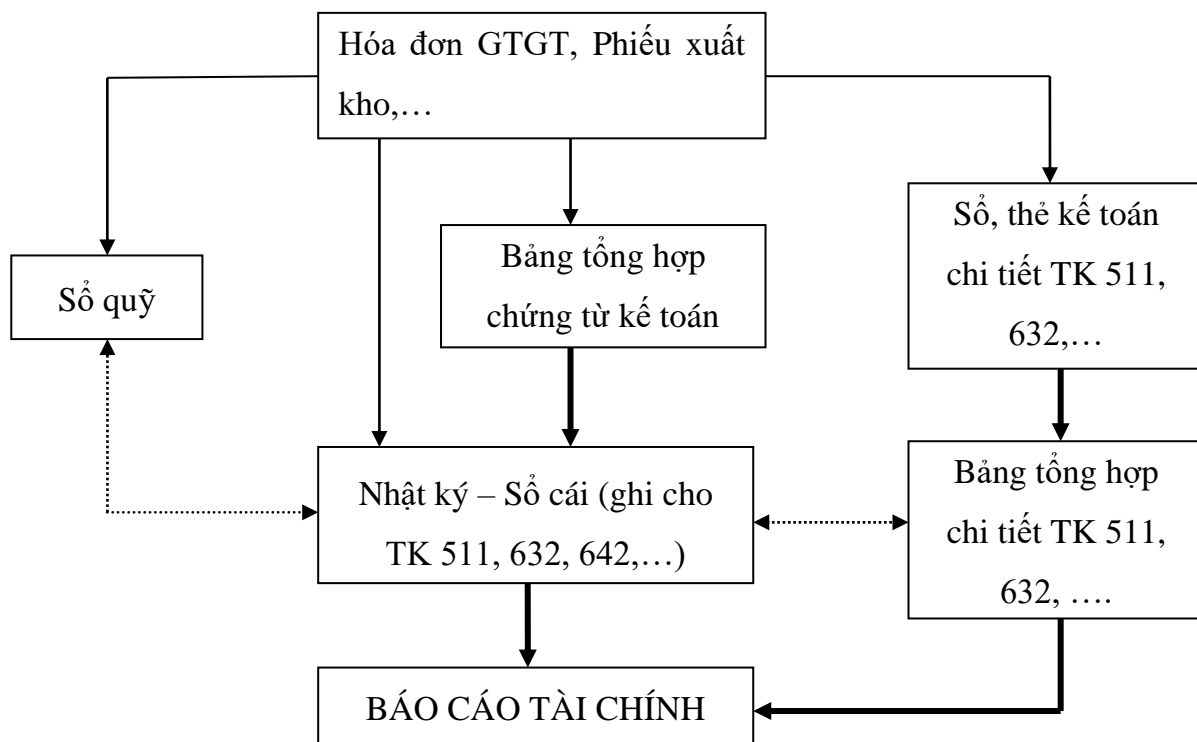
Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ chủ yếu sau:

- + Nhật ký – Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.3.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú: Ghi hàng ngày: —————→
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: —————→
 Đối chiếu: <----->

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.3.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

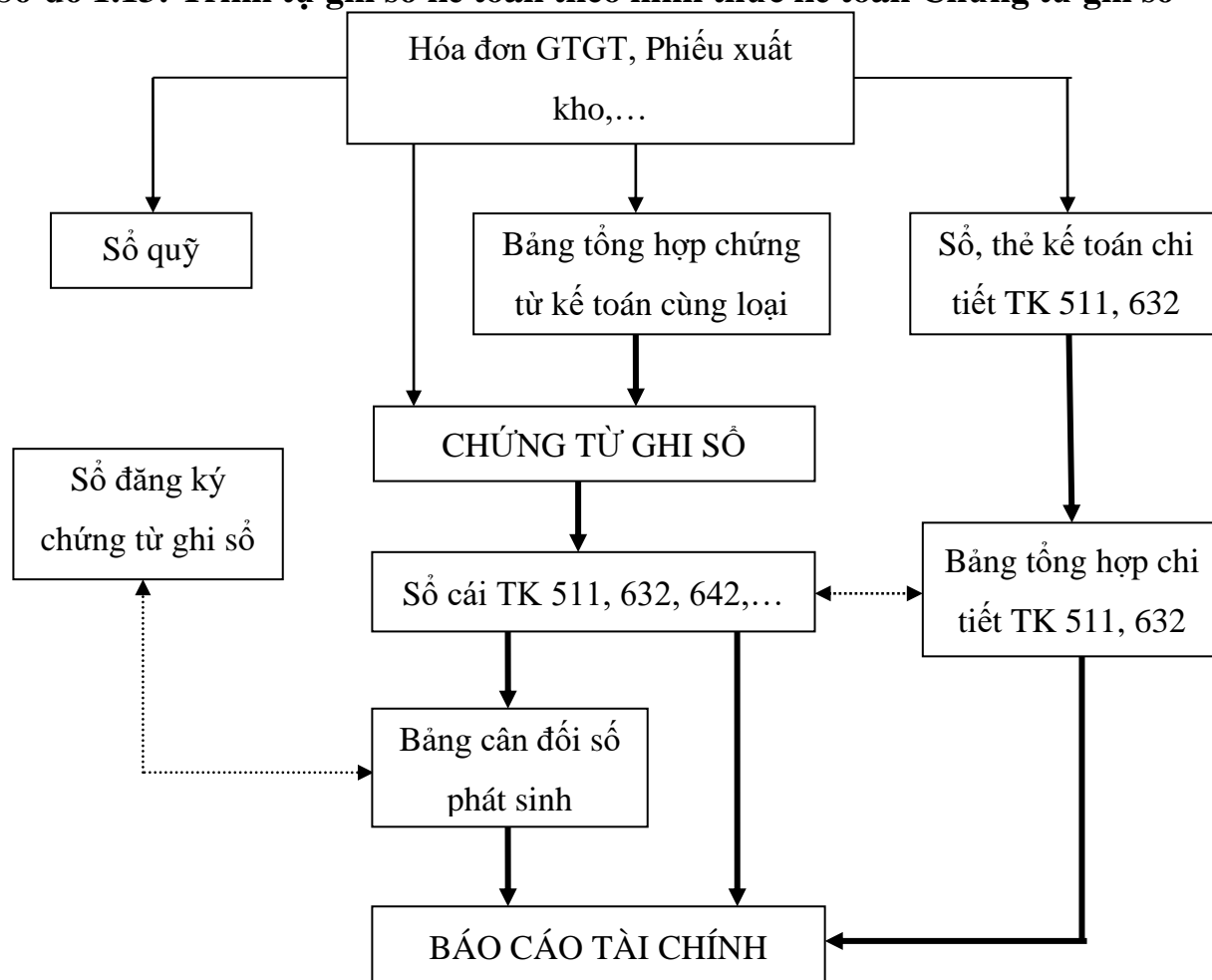
Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

1.3.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú: Ghi hàng ngày: —————→
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: —————→
 Đối chiếu: <----->

1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính

1.3.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong 3 hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

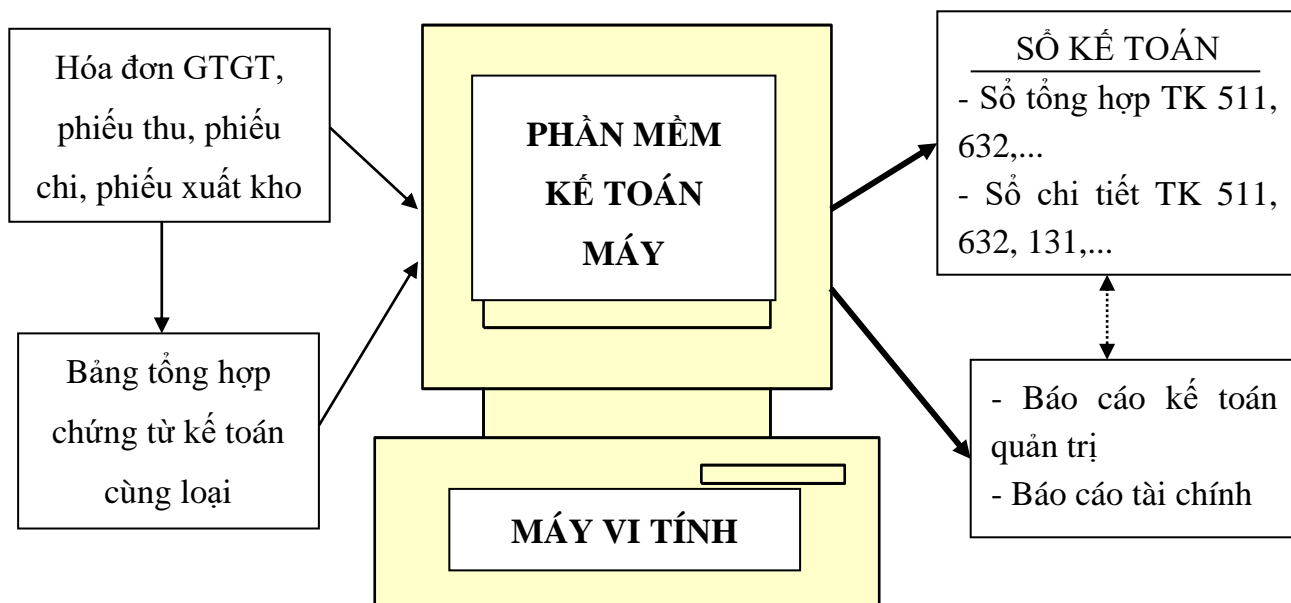
1.3.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp

chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ và lập Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú: Nhập số liệu hàng ngày: —————→
 In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: —————→
 Đối chiếu, kiểm tra: ←.....→

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CẢNG CÁI LÂN

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CẢNG CÁI LÂN

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

- Tên công ty: Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân.
- Địa chỉ: Khu cảng Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Mã số thuế:5701782604.
- Quy mô doanh nghiệp: Vừa và nhỏ
- Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần
- Giám đốc: Nguyễn Xuân Thu.
- Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân được thành lập vào ngày 1/1/2015 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hạ Long cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Với số lượng lao động ban đầu là 8 người, số tài sản cố định là 1 xe ô tô tải, 1 xe ô tô con, 3 bộ máy tính và 1 bộ máy in. Những ngày đầu mới thành lập công ty gặp khó khăn về nhiều mặt: các ngân hàng, các nhà đầu tư chưa thấy niềm tin và tiềm lực của doanh nghiệp. Cán bộ công nhân viên phải tự tiến hành tự tìm khách hàng và vốn thì thực hiện chiến lược lấy ngắn nuôi dài tự trang trải nên rất vất vả và bết tắc. Giám đốc công ty là người đã từng làm nghề, ông trực tiếp tham gia vào công việc nên nắm bắt rất rõ tâm lý người lao động. Do vậy khi tiến hành tuyển dụng và sử dụng nhân công ông đã cân nhắc hợp lý việc dùng người, có những chế độ hết sức hợp lý đối với nhân viên của mình từ việc thu nhập bình quân tháng đến các chế độ đãi ngộ của công ty, thưởng phạt phân minh và sát sao công việc.
- Trong năm 2016, công ty tiếp tục mở rộng kinh doanh bằng việc mua sắm thêm 1 xe ô tô tải trọng tải lớn và 1 bộ máy tính.

- Hiện nay, tổng số công nhân viên và người lao động chính của doanh nghiệp

là 15 người. Công ty đã thiết lập và tạo được mối quan hệ hợp tác lâu dài, thực hiện các hợp đồng kinh tế có giá trị với các đối tác, tạo uy tín, vị thế của mình trên thị trường Quảng Ninh. Trong điều kiện nền kinh tế nói chung, nền kinh tế hàng hoá đường bộ nói riêng gặp nhiều khó khăn nhưng bằng kinh nghiệm và nhiệt huyết của mình lãnh đạo công ty vẫn cố gắng đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của công ty luôn có hiệu quả và tạo việc làm ổn định cho đội ngũ cán bộ công nhân viên của công ty.

- Nhằm thích ứng trong điều kiện mới hội nhập kinh tế công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân luôn không ngừng phấn đấu để đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả, duy trì mối quan hệ tốt với các đối tác, dần khẳng định vị thế và năng lực kinh doanh của công ty.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh

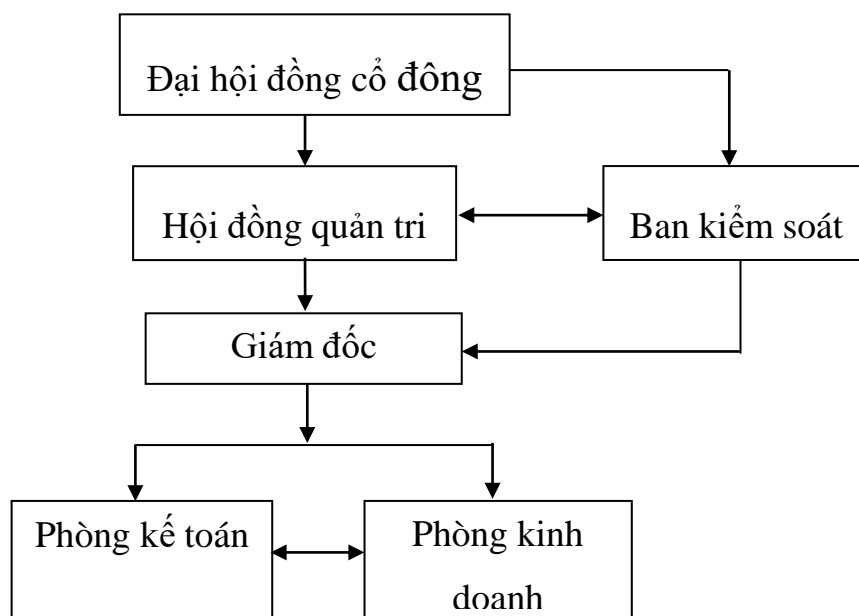
Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- + Kinh doanh hàng hóa, bốc xếp hàng hoá thuỷ bộ ven biển và viễn dương.

- + Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân



Ghi chú:

Quan hệ quản lý chỉ đạo: \longrightarrow

Quan hệ phối hợp công tác và hỗ trợ: \longleftrightarrow

Bộ máy quản lý của công ty được xây dựng theo mô hình trực tuyến chức năng, chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong bộ máy quản lý của công ty được quy định cụ thể như sau:

- **Đại hội đồng cổ đông:** gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất.
- **Hội đồng quản trị:** quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- **Ban kiểm soát:** có nhiệm vụ giống như cơ quan tư pháp trong mô hình tam quyền phân lập nhằm giúp các cổ đông kiểm soát hoạt động quản trị và quản lý điều hành công ty.
- **Giám đốc:** điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty và chịu trách nhiệm mọi hoạt động trong doanh nghiệp.
- **Phòng kế toán**

- Thực hiện các hoạt động quản lý nguồn vốn, thực hiện các chế độ chính sách kế toán tài chính theo quy định của chế độ.
 - Phân tích đánh giá tình hình tài chính hiện tại của công ty, đồng thời cân đối thu chi, lập dự toán trong tương lai các vấn đề về tài chính nhằm tham mưu cho giám đốc đưa ra các quyết định về tài chính.
 - Kiểm tra việc kiểm kê định kỳ hàng năm để quản lý điều hành, phục vụ quyết toán tài chính, lập các báo cáo cuối năm phục vụ nhu cầu quản lý của công ty.
 - Tham mưu cho giám đốc về việc quản lý, công tác tổ chức nhân sự của công ty. Soạn thảo các công văn giấy tờ theo lệnh của giám đốc; tiếp nhận các công văn giấy tờ từ nơi khác gửi đến. Bảo quản các giấy tờ tài liệu.
 - Thực hiện các chế độ quy định về tiền lương cho cán bộ công nhân viên, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.
- **Phòng kinh doanh**
 - Phụ trách việc giao dịch thương mại, soạn thảo các hợp đồng kinh doanh.
 - Tìm kiếm bạn hàng kinh doanh, tổ chức kế hoạch, chiến lược kinh doanh.
 - Làm nhiệm vụ tham mưu giúp cho Giám đốc trong việc lập kế hoạch kinh doanh, tổ chức tiêu thụ sản phẩm.

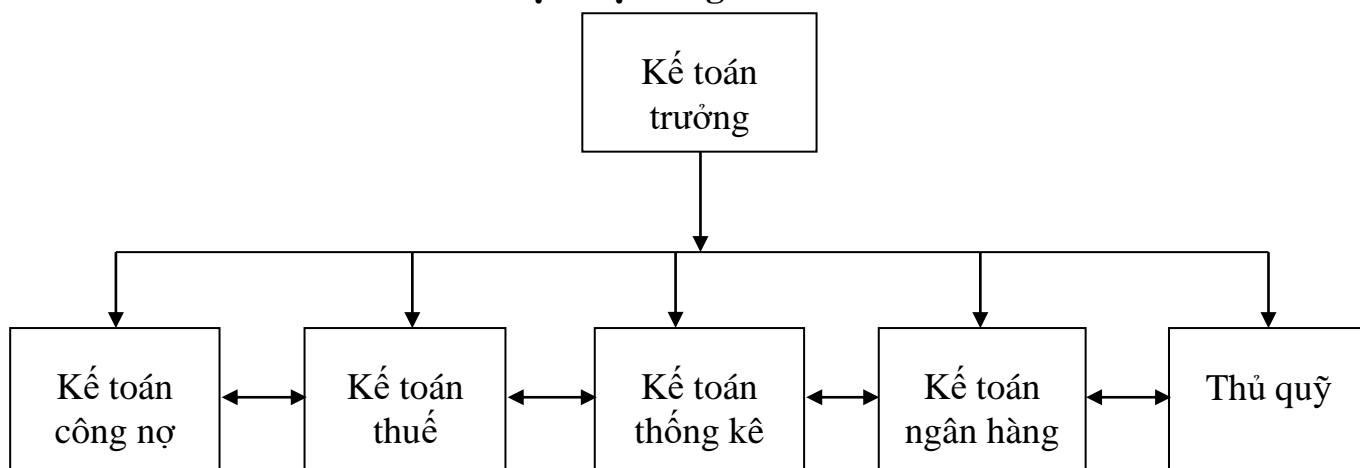
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Việc tổ chức, thực hiện chức năng nhiệm vụ nội dung công tác kế toán trong công ty do bộ máy kế toán đảm nhiệm. Tại công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân có một phòng kế toán gồm 6 người. Việc tổ chức công tác kế toán được tiến hành theo mô hình tập trung. Theo mô hình này toàn bộ công tác kế toán được thực hiện ở phòng kế toán của công ty, từ khâu ghi chép ban

đầu đến khâu tổng hợp lập báo cáo và kiểm tra kế toán, hạch toán chi tiết, hạch toán tổng hợp. Các phòng ban khác chỉ lập các chứng từ phát sinh tại đơn vị rồi gửi về phòng kế toán. Quy mô tổ chức của bộ máy kế toán gọn nhẹ phù hợp với đặc điểm của công ty mà vẫn đảm bảo công tác kế toán có hiệu quả. Bộ máy kế toán của công ty được bố trí như sau:

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân



Ghi chú:

Quan hệ quản lý chỉ đạo: —————>

Quan hệ phối hợp công tác và hỗ trợ: <----->

• **Kế toán trưởng**

- Là người chịu trách nhiệm trước giám đốc về việc chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác kế toán trong công ty bao gồm:

- + Kiểm tra giám sát các khoản thu chi tài chính, các nghĩa vụ thu nộp ngân sách, thanh toán nợ, kiểm tra việc quản lý sử dụng tài sản và nguồn vốn hình thành tài sản, phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán.

+ Theo dõi các phần hành sau: ngân sách, nhà cung cấp, các khoản thu, theo dõi TSCĐ, tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, lập báo cáo tài chính, lập tờ khai thuế, tổ chức sử dụng và huy động vốn có hiệu quả nhất.

- Thường xuyên tham mưu giúp việc cho giám đốc thấy rõ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình, từ đó đề ra biện pháp xử lý. Giúp cho kế toán trưởng là các cán bộ nhân viên làm việc trong văn phòng.

- **Kế toán công nợ:** làm các nhiệm vụ liên quan đến các khoản thanh toán, lập phiếu thu, phiếu chi theo dõi và báo cáo kịp thời tình hình thu chi và tồn quỹ, theo dõi các khoản phải thu, phải trả, các khoản tạm ứng và lập báo cáo kịp thời về tình hình công nợ với kế toán trưởng.
- **Kế toán thuế:** xác định cơ sở để tính thuế và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của công ty cho nhà nước, thu thập, xử lý, sắp xếp, lưu trữ hóa đơn, chứng từ kế toán, kê khai, lập báo cáo thuế
- **Kế toán thống kê:** lập thủ tục các phiếu lập kho, phiếu xuất kho, đối chiếu hàng hóa, cung cấp cho nhân viên cung ứng số lượng, chủng loại hàng hóa tồn kho, lập các báo cáo số liệu hàng hóa tồn kho định kỳ hàng tháng, xây dựng cải tiến phương pháp nhập xuất hàng hóa đảm bảo công việc nhập xuất kho nhanh chóng, hiệu quả.
- **Kế toán ngân hàng:** chịu trách nhiệm về các khoản liên quan đến tiền gửi ngân hàng, thực hiện các giao dịch chuyển tiền, nhận tiền, vay vốn ngân hàng.
- **Thủ quỹ**
 - Chịu trách nhiệm thực hiện và theo dõi các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến thu, chi tiền mặt.
 - Quản lý, bảo quản tiền mặt; kiểm kê, lập sổ quỹ theo quy định.
 - Bảo quản, lưu trữ các chứng từ gốc và cung cấp dữ liệu cho kế toán thanh toán.

2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

- Kỳ kế toán năm: Công ty thực hiện kỳ kế toán theo năm dương lịch (bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12).
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.
- Chế độ kế toán áp dụng: Quyết định số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho:
 - + Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Nguyên giá gốc không tính GTGT đầu vào.
 - + Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân liên hoàn.
 - + Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Phương pháp đường thẳng.
- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Theo thực tế được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phát sinh.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính.

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ Nhật ký chung sau đó từ sổ Nhật ký chung vào Sổ Cái các tài khoản, từ Sổ Cái các tài khoản và Bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

Hệ thống sổ kế toán gồm: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái các tài khoản, Sổ chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết.

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính

Theo quy định hiện hành hệ thống báo cáo tài chính của công ty bao gồm:

- Bảng Cân đối kế toán: Mẫu số B01 – DNN
- Bảng Cân đối tài khoản: Mẫu số F01 – DNN
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh: Mẫu số B02 – DNN
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ: Mẫu số B03 – DNN
- Bản Thuyết minh báo cáo tài chính: Mẫu số B09 – DNN
- Ngoài ra, kế toán còn lập thêm các báo cáo khác như: báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, tờ khai tự quyết toán thuế TNDN,...
- Báo cáo trên sau khi lập, kiểm tra, xem xét sẽ được trình lên Giám đốc xét duyệt, sau đó được gửi tới Chi cục thuế, Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hạ Long, Cục Thống kê Quảng Ninh.

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CẢNG CÁI LÂN

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty

2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty

- Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân đã sử dụng 2 phương thức bán hàng chủ yếu: bán buôn, bán lẻ.

+ *Bán buôn*: là hình thức bán hàng chủ yếu của công ty. Những đối tượng bán buôn thường là các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ.

+ *Bán lẻ*: là phương thức giúp doanh nghiệp tiêu thụ nhanh hơn. Khách hàng là các cá nhân, tổ chức có nhu cầu mua vật liệu nhằm đáp ứng trực tiếp nhu cầu của khách hàng.

- Để tạo điều kiện cho khách hàng công ty sử dụng phương thức thanh toán chủ yếu là thanh toán ngay bằng tiền mặt, ngoài ra còn tạo điều kiện cho khách hàng được thanh toán chậm trả.

+ *Phương thức thanh toán trả tiền ngay*: Bằng tiền mặt được áp dụng với hầu hết mọi đối tượng khách hàng để đảm bảo vốn thu hồi nhanh, tránh tình trạng chiếm dụng vốn.

Đối với phương thức thanh toán bằng tiền mặt:

Hàng ngày, khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán viết hoá đơn GTGT. Hoá đơn giá trị gia tăng hàng bán ra gồm 3 liên:

- ✓ Liên 1: Màu tím được lưu lại quyền hoá đơn.
- ✓ Liên 2: Màu đỏ giao cho khách hàng.
- ✓ Liên 3: Màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán.

Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán viết phiếu thu, phiếu thu viết làm 3 liên, đặt giấy than viết 1 lần, liên 1 để lưu, liên 2 giao khách hàng, liên 3 giao cho thủ quỹ.

+ *Phương thức bán chịu*: được áp dụng với khách hàng lớn và truyền thống. Trong những giai đoạn khó khăn, phải cạnh tranh với các đối thủ thì phạm vi này được mở rộng hơn, nhưng đây là biện pháp tình thế và tiềm ẩn nhiều rủi ro nên công ty nên mở sổ theo dõi chi tiết công nợ để theo dõi chi tiết công nợ nhằm quản lý công nợ phải thu.

2.2.1.2. Chứng từ sử dụng

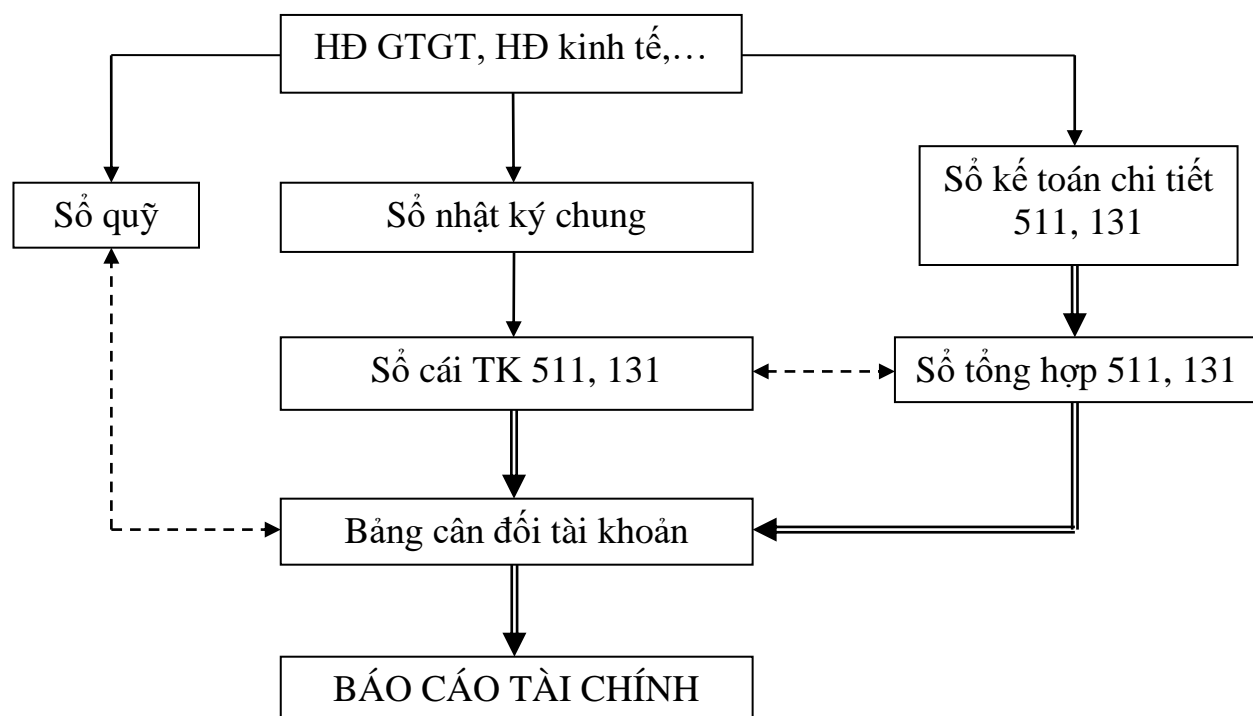
- Hóa đơn GTGT
- Chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác: hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng...

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Tài khoản cấp 2:
 - + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
 - + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Các TK khác có liên quan như: TK 3331, 1111, 131...

2.2.1.4. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

2.2.1.5. Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 10/12/2016 xuất kho thép mạ kẽm nhúng nóng Ø21/1,6 ly theo HĐ 0000731 – Công ty TNHH Xuân Hòa 16.874.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%), khách hàng chưa thanh toán.

Ví dụ 2: Ngày 25/12/2016 xuất kho thép mạ kẽm nhúng nóng Ø 34/3,2 ly theo HĐ 0000745 – Công ty TNHH Thiên Lý 12.595.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%), khách hàng thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán tiến hành như sau:

Căn cứ vào các chứng từ: hóa đơn GTGT 0000731 (**biểu số 2.1**), hóa đơn GTGT 0000732 (**biểu số 2.2**), phiếu thu số 25 (**biểu số 2.3**) kế toán ghi sổ nhật ký chung (**biểu số 2.4**), từ nhật ký chung vào sổ cái TK 511 (**biểu số 2.5**). Đồng thời cũng từ các chứng từ trên kế toán ghi sổ kế toán chi tiết TK 511, 131 (**biểu 2.6, 2.7, 2.9**).

Cuối tháng, kế toán lấy số liệu từ sổ kế toán chi tiết TK 511, 131 ghi vào sổ tổng hợp TK 511 (**biểu 2.8, 2.10**) đồng thời so sánh với số liệu của sổ cái TK 511 đã lập, sổ quỹ tiền mặt (**biểu 2.11**). Căn cứ vào các sổ cái và sổ tổng hợp đã lập trên kế toán tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000731

<p>Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh</p>		<p>Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/16P Số: 0000731</p>			
<p>HOÁ ĐƠN GTGT</p> <p>Liên 3: Nội bộ</p> <p>Ngày 10/12/2016</p>					
<p>Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân Mã số thuế: 5701782604 Địa chỉ: Khu cảng Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh Số TK: 7114633780</p>					
<p>Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH Xuân Hòa Mã số thuế: 5701034333 Địa chỉ: 35 Trần Quốc Toản, tp. Cẩm Phả, Quảng Ninh Số TK: 6904639108 Hình thức thanh toán:</p>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø 21/ 1,6 ly	Kg	650	23.600	15.340.000
Cộng tiền hàng:					15.340.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.534.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					16.874.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn đồng.					
<p>Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p>Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p>Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)</p>	

Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT số 0000745

Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh		Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/16P Số: 0000745			
HOÁ ĐƠN GTGT Liên 3: Nội bộ Ngày 25/12/2016					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân Mã số thuế: 5701782604 Địa chỉ: Khu cảng Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh Số TK: 7114633780					
Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH Thiên Lý Mã số thuế: 5701719197 Địa chỉ: 56 Ngô Tất Tố, p.Hồng Hải, tp.Hạ Long, Quảng Ninh Số TK: 6914793787 Hình thức thanh toán: TM					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø 34/3,2 ly	Kg	500	22.900	11.450.000
Cộng tiền hàng:					11.450.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.145.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					12.595.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu năm trăm chín mươi năm nghìn đồng.					
Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu 2.3: Phiếu thu số 35

<p>Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh</p>		<p style="text-align: right;">Mẫu số 01-TT QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC</p>		
PHIẾU THU		Số: 25		
Ngày 25 tháng 12 năm 2016				
		Nợ TK 1111	:12.595.000	
		Có TK 5113	: 11.450.000	
		Có TK 3331	: 1.145.000	
Họ và tên người nộp tiền: Phạm Văn Hùng				
Địa chỉ: 56 Minh Khai, p.Giếng Đáy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh				
Lý do thu: Thu tiền hàng theo HĐ 0000745 – Ngày 25/12/2016				
Số tiền: 12.595.000 đồng				
Viết bằng chữ: Mười hai triệu năm trăm chín mươi năm nghìn đồng.				
Kèm theo: 1 chứng từ gốc.				
		Ngày 25 tháng 12 năm 2016		
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nộp tiền
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>

Biểu 2.4: Sổ nhật ký chung

**Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân
Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh**

**Mẫu số S03a-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
10/12	HĐ0000731	10/12	Xuất bán thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø 21/ 1,6 ly	131	16.874.000	
				3331		1.5340.000
				5111		15.340.000
11/12	HĐ 0000732 PT 11/12	11/12	Xuất bán thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø 42/ 2,1 ly	1111	17.864.000	
				5111		16.240.000
				3331		1.624.000
					
25/12	HĐ 0000745 PT 25/12	25/12	Xuất bán thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø 34/3,2 ly	1111	12.595.000	
				5111		11.450.000
				3331		1.145.000
					
			Cộng		7.211.553.173	7.211.553.173

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.5: Sổ cái TK 511

**Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân
Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh**

**Mẫu số S03b-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi sổ	Ctù		Diễn giải	TKĐU'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			
					
10/12	HD 0000731	10/12	Xuất bán thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø21/1,6ly cho cty TNHH Xuân Hòa	131		15.340.000
11/12	HD 0000732 PT 11/12	11/12	Doanh thu bán hàng cho Cty Hòa An	1111		16.240.000
14/12	HD 0000733 PT 14/12	14/12	Doanh thu bán hàng cho Cty Thiên Phúc	1111		4.480.000
					
25/12	HD 0000745 PT 25/12	25/12	Doanh thu bán hàng cho Cty TNHH Thiên Lý	1111		11.450.000
31/12	PHT 20/12	31/12	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	900.421.202	
			Cộng số phát sinh		900.421.202	900.421.202
			<u>Dư cuối kỳ</u>			

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.6: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân
Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số: SN17 – DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tháng 12 năm 2016

Tên sản phẩm (HH, DV, bất động sản đầu tư): Thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø21/1,6 ly Mã hàng hóa: F2116

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
								
10/12	HĐ00000731	10/12	Bán hàng hóa cho Cty TNHH Xuân Hòa	131	650	23.600	15.340.000		
								
			Cộng số phát sinh		1470		34.692.000		
			Doanh thu thuần				34.692.000		

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.7: Sổ chi tiết bán hàng

Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân
Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số: SN17 – DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tháng 12 năm 2016

Tên sản phẩm (HH, DV, bất động sản đầu tư): Thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø34/3,2 ly Mã hàng hóa: F3432

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
								
25/12	HĐ00000745 PT 25/12	25/12	Bán hàng hóa cho Cty TNHH Thiên Lý	1111	500	22.900	11.450.000		
								
			Cộng số phát sinh		900		20.610.000		
			Doanh thu thuần				20.610.000		

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.8: Sổ tổng hợp chi tiết bán hàng

Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân

Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

Stt	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Doanh thu			Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	F2116	Thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø21/1,6 ly	1470	23.600	34.692.000	
2	F2716	Thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø27/1,6 ly	1600	23.500	37.600.000	
3	F3432	Thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø34/3,2 ly	900	22.900	20.610.000	
4	F4221	Thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø42/2,1 ly	1590	23.200	36.888.000	
5	F4925	Thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø49/2,5 ly	1800	22.900	41.220.000	
					
		Cộng			747.873.050	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.9: Sổ chi tiết thanh toán với người mua

Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân
 Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số: SN13 - DNN
 (QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Đối tượng: Công ty TNHH Xuân Hòa

Năm 2016

DVT: đồng

Stt	NT ghi số	Ctù		Diễn giải	TKĐƯ	SPS		Số dư	
		SH	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
				Dư đầu kỳ				<u>572.000</u>	
01	05/12	0000727	05/12	Xuất bán thép Ø21/1,6 ly	5111	17.850.000		18.442.000	
					3331	1.785.000		20.207.000	
								
02	10/12	0000731	10/12	Xuất bán thép Ø21/1,6 ly	5111	15.340.000		35.547.000	
					3331	1.534.000		37.081.000	
03	19/12	0000736	19/12	Xuất bán thép Ø42/2,1ly	5111	8.120.000		45.201.000	
					3331	812.000		46.013.000	
								
				Cộng SPS		62.755.000			
				Dư cuối kỳ				<u>63.327.000</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.10: Sổ tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua
Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân
Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số: SN13 – DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Năm 2016

ĐVT: đồng

Stt	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		SPS trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
						
20	Cty TNHH Hòa An	12.000.000	-	16.600.000	12.000.000	16.600.000	-
21	Cty TNHH Thiên Phúc	148.230.500	-	43.670.000	41.332.500	150.568.000	-
22	Cty TNHH Xuân Hòa	572.000	-	62.755.000	-	63.327.000	-
23	Cty TNHH TMDV & XD Phương Thảo	112.020.000	-	26.030.000	-	138.050.000	-
						
	Tổng	1.607.239.733	0	999.905.468	999.905.468	1.607.239.733	0

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.2. Kế toán giá vốn bán hàng

2.2.2.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán tại công ty

Kế toán tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn. Phương pháp này vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán vừa phản ánh được tình hình biến động của giá cả. Cứ sau mỗi lần nhập kho, kế toán lại phải tiến hành tính toán lại giá bình quân.

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

2.2.2.2. Chứng từ sử dụng

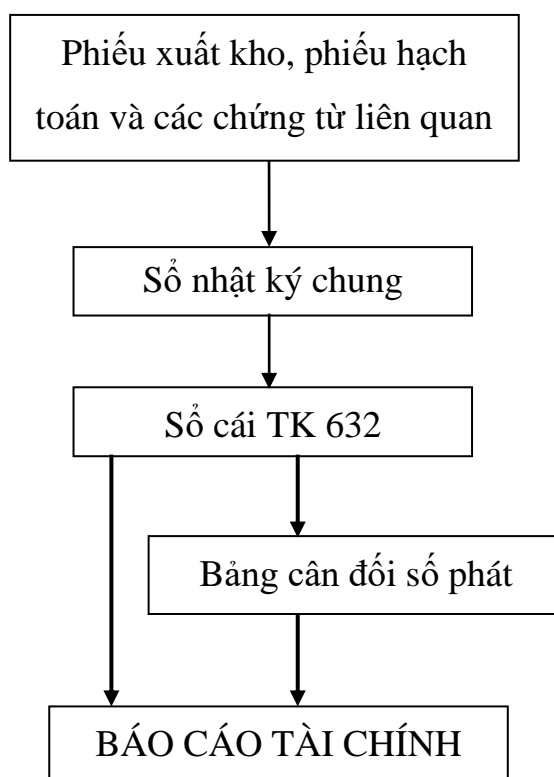
- Phiếu xuất kho,...

2.2.2.3. Tài khoản sử dụng

- TK 632: Giá vốn hàng bán
- Các TK liên quan khác như: TK 156, 154, 111,...

2.2.2.4. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn tại công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \longrightarrow

2.2.2.5. Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 10/12/2016 xuất kho 650 kg thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø21/1,6 ly bán cho Công ty TNHH Xuân Hòa theo HĐ 0000731.

Ví dụ 2: Ngày 25/12/2016 xuất kho 500 kg thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø34/3,2 ly bán cho Công ty TNHH Thiên Lý theo HĐ 0000745.

Kế toán tiến hành như sau:

Kế toán lập phiếu xuất kho số 29/12 và phiếu xuất kho số 32/12 (biểu số 2.11, 2.12). Căn cứ vào Phiếu xuất kho ghi số liệu vào Nhật ký chung (biểu 2.13), Sổ cái TK 632 (biểu 2.14).

Tính đơn giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn:

Đơn giá xuất kho bình quân Thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø21/1,6 ly (F2116) ngày 10/12 được tính như sau:

- Ngày 1/12 tồn 470 kg, đơn giá 21.300 đồng/kg.
- Ngày 3/12 nhập 800 kg, đơn giá 21.500 đồng/kg.
- Ngày 7/12 nhập 650 kg, đơn giá 21.500 đồng/kg.
- Ngày 10/12 xuất 650 kg.

$$\begin{aligned}
 &\text{Đơn giá xuất kho} && 470 \times 21.300 + 800 \times 21.500 + 650 \times 21.500 \\
 &\text{bình quân ngày} &= & \frac{\hspace{15em}}{470 + 800 + 650} \\
 &10/12 &= & 21.451 (\text{đ/kg}) \\
 \\
 &\text{Trị giá thành phẩm thực} &= & \text{Số lượng thực tế} \quad \times \quad \text{Đơn giá bình quân} \\
 &\text{tế xuất kho ngày 10/12} &= & \text{xuất kho} \quad \times \quad \text{xuất kho} \\
 & &= & 650 \quad \times \quad 21.451 \\
 & &= & 13.943.150 \text{ đ}
 \end{aligned}$$

Đơn giá xuất kho bình quân Thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø34/3,2 ly (F3432) ngày 25/12 được tính như sau:

- Ngày 1/12 tồn 350 kg, đơn giá 22.400 đồng/kg.

- Ngày 3/12 nhập 400 kg, đơn giá 22.200 đồng/kg.

- Ngày 25/12 xuất 500 kg.

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá xuất kho} &= \frac{350 \times 22.400 + 400 \times 22.200}{350 + 400} \\ \text{bình quân ngày} &= \\ \text{25/12} &= 22.293 \text{ (đ/kg)} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Trị giá thành phẩm thực} &= \text{Số lượng thực tế} \times \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{tê xuất kho ngày 25/12} &= \text{xuất kho} \times \text{xuất kho} \\ &= 500 \times 22.293 \\ &= 11.146.500 \text{ đ} \end{aligned}$$

Biểu 2.11: Phiếu xuất kho số 29/12

<p>Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh</p>				<p>Mẫu số 02-VT (QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)</p>			
<p>PHIẾU XUẤT KHO</p>							
<p>Ngày 10 tháng 12 năm 2016</p>						<p>Nợ: 632</p>	
<p>Số: PX 29/12</p>						<p>Có: 156</p>	
<p>Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Thanh An</p>							
<p>Địa chỉ (bộ phận):</p>							
<p>Lý do xuất kho: Xuất kho hàng bán</p>							
<p>Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa</p>				<p>Địa điểm:</p>			
Stt	Tên, nhãn hiệu	Mã hàng	Đvt	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø21/1,6 ly	F2116	Kg	650	650	21.451	13.943.150
	Cộng			650	650		13.943.150
<p>Tổng số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn một trăm năm mươi đồng.</p>							
<p>Ngày 10 tháng 12 năm 2016</p>							
<p>Người lập phiếu</p>		<p>Người nhận hàng</p>		<p>Thủ kho</p>		<p>Kế toán trưởng</p>	<p>Giám đốc</p>
<p>(Ký, họ tên)</p>		<p>(Ký, họ tên)</p>		<p>(Ký, họ tên)</p>		<p>(Ký, họ tên)</p>	<p>(Ký, họ tên)</p>

Biểu 2.12: Phiếu xuất kho số 32/12

Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh				Mẫu số 02-VT (QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)			
PHIẾU XUẤT KHO							
Ngày 25 tháng 12 năm 2016					Nợ: 632		
Số: PX 32/12					Có: 156		
Họ và tên người nhận hàng: Trần Thị Hải Yến							
Địa chỉ (bộ phận):							
Lý do xuất kho: Xuất kho hàng bán							
Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa				Địa điểm:			
Stt	Tên, nhãn hiệu	Mã hàng	Đvt	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø34/3,2 ly	F3432	Kg	500	500	22.293	11.146.500
	Cộng			500	500		11.146.500
Tổng số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng.							
Ngày 25 tháng 12 năm 2016							
Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho		Kế toán trưởng	Giám đốc		
<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>		

Biểu 2.13: Sổ nhật ký chung

**Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân
Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh**

**Mẫu số S03a-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
		
10/12	PXK 29/12	10/12	Giá vốn hàng xuất bán cho cty TNHH Xuân Hòa	632 156	13.943.150	13.943.150
10/12	HĐ 0000731	10/12	Doanh thu bán hàng cho Cty TNHH Xuân Hòa	131 5111 3331	18.095.00 0	16.450.000 1.645.000
					
25/12	PXK 32/12	25/12	Giá vốn hàng xuất bán cho cty TNHH Thiên Lý	632 156	11.146.500	11.146.500
25/12	HĐ 0000745 PT 25/12	25/12	Doanh thu bán hàng cho Cty TNHH Thiên Lý	1111 5111 3331	13.898.500	12.635.000 1.263.500
					
			Cộng		7.211.553.173	7.211.553.173

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.14: Sổ cái TK 632

**Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân
Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh**

**Mẫu số S03b-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
					
10/12	PXK 29/12	10/12	Giá vốn hàng xuất bán cho cty TNHH Xuân Hòa	156	13.943.150	
					
25/12	PXK 32/12	25/12	Giá vốn hàng xuất bán cho cty TNHH Thiên Lý	156	11.146.500	
					
25/12	PXK 38/12	25/12	Giá vốn hàng xuất bán cho cty TNHH Thành Công	156	16.898.800	
28/12	PXK 42/12	28/12	Giá vốn hàng xuất bán cho cty CP TM Vạn Lộc	156	14.629.300	
					
31/12	PHT 16/12	31/12	K/c giá vốn hàng bán	154	121.336.032	
31/12	PHT 19/12	31/12	K/c giá vốn hàng bán hàng hóa và dịch vụ	911		803.299.991
			Cộng số phát sinh		803.299.991	803.299.991
			Dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

2.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có
- Các chứng từ liên quan khác.

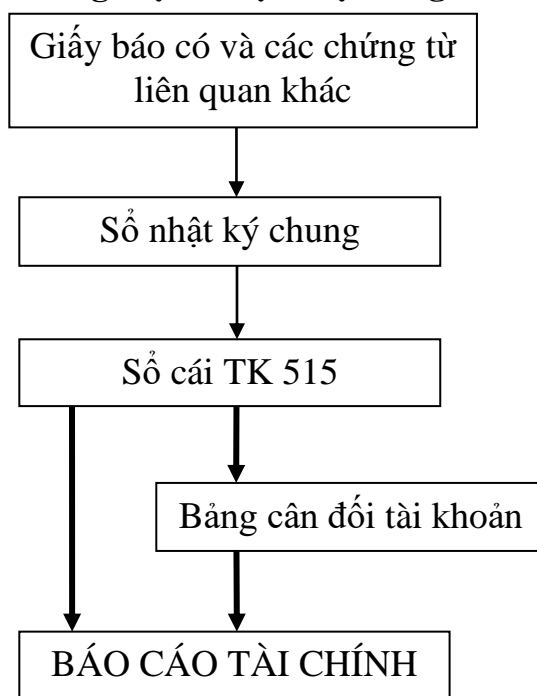
2.2.3.2. Tài khoản sử dụng

- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

2.2.3.3. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty

Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ: —————>

2.2.3.5. Ví dụ minh họa

Ví dụ: Ngày 31/12/2016 ngân hàng trả lãi tiền gửi tháng 12 năm 2016 số tiền 146.240 đồng.

Kế toán tiến hành như sau:

Căn cứ vào giấy báo có của Ngân hàng (**biểu số 2.15**), kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (**biểu số 2.16**), sau đó vào Sổ cái TK 515 (**biểu số 2.18**).

Biểu 2.15: Giấy báo có



Mã GD

Mã KH: 395544

Số GD: 52938

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số : 30/12

Kính gửi: Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân

Mã số thuế: 5701782604

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi có: 3201162579

Số tiền bằng số: 146.240

Viết bằng chữ: Một trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi đồng.

Nội dung: Lãi tiền gửi.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giao dịch viên

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát viên

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.16: Sổ nhật ký chung
Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân
Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số S03a-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
22/12	HĐ0000760	22/12	Xuất bán thép Ø 30/1,9 ly cho Cty TNHH Thành Công	131	17.490.000	
				3331		1.590.000
				5111		15.900.000
23/12	HĐ 0000761 PT 52/12	23/12	Xuất bán thép Ø 49/2,5 ly cho Cty TNHH Thiên Lý	1111	4.620.000	
				5111		4.200.000
				3331		420.000
					
28/12	P XK 42/12	28/12	Giá vốn hàng xuất bán cho cty CP TM Vạn Lộc	632	15.015.70 0	
				156		15.015.70 0
28/12	HĐ0000769 PT 58/12	28/12	Doanh thu bán hàng cho Cty CP TM Vạn Lộc	1111	18.095.00 0	
				5111		16.450.000
				3331		1.645.000
					
31/12	GBC 30/12	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng	112	146.240	
				515		146.240
			Cộng		7.211.553.173	7.211.553.173

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.17: Sổ cái TK 515

**Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân
Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh**

**Mẫu số S03b-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			
31/12	GBC 30/12	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng	112		146.240
31/12	PHT 20/12	31/12	K/C doanh thu HĐTC	911	146.240	
			Cộng số phát sinh		146.240	146.240
			<u>Dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.4.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh tại công ty

Tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân chi phí quản lý kinh doanh bao gồm:

- Chi phí về lương nhân viên quản lý kinh doanh
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí về nhiên liệu phục vụ công tác quản lý kinh doanh
- Chi phí về CCDC phục vụ công tác quản lý kinh doanh
- Các khoản chi phí khác.

2.2.4.2. Chứng từ sử dụng

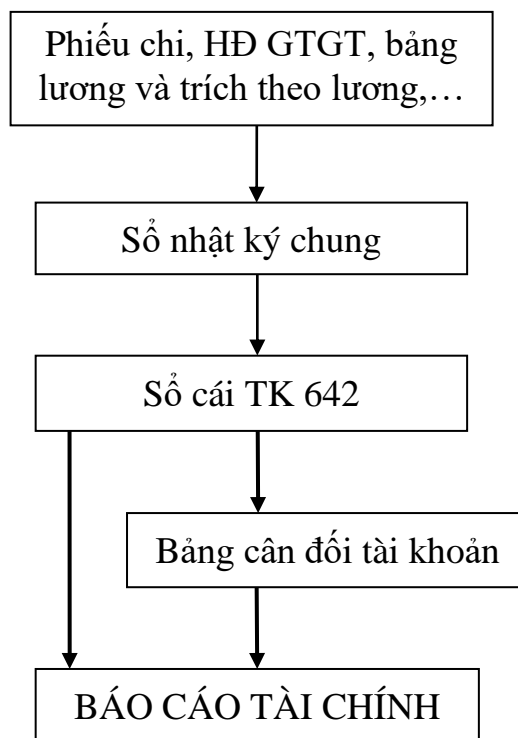
- Phiếu chi
- Bảng lương nhân viên văn phòng
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thu phí dịch vụ
- Bảng trích khấu hao TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.4.3. Tài khoản sử dụng

- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh
- Các TK liên quan khác như: TK 111, 334, 214,...

2.2.4.4. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ: —————>

2.2.4.5. Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 31/12/1016 cô Tâm thanh toán bằng tiền mặt tiền cước điện thoại theo HĐ 219058 số tiền 644.494 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10%).

Ví dụ 2: Trích khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý kinh doanh tháng 12 năm 2016 số tiền 15.637.000 đồng.

Kế toán tiến hành như sau:

Căn cứ hóa đơn GTGT 0219057 (**biểu số 2.18**) kế toán lập phiếu chi (**biểu số 2.19**) và bảng danh mục TSCĐ và mức trích khấu hao T12/2014 (**biểu số 2.20**) . Sau đó, kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (**biểu số 2.21**), Sổ cái TK 642 (**biểu số 2.22**).

Biểu 2.18: Hóa đơn GTGT số 0219057

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)				Mẫu số: 01GTKT -2LN-03	
TELECOMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)				Ký hiệu : AA/16P	
				Số: 0219058	
MS: 0200340211					
TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT - QUẢNG NINH, CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG					
Địa chỉ : 539 Lê Thánh Tông, p.Bạch Đằng, tp.Hạ Long, Quảng Ninh					
Tên khách hàng: Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân					
Địa chỉ: Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh					
Số thuê bao: 0333619092				Mã số: KHCP-QTCN-00344	
Hình thức thanh toán: TM					
STT	DỊCH VỤ SỬ DỤNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4x5
	Kỳ cước tháng: 12/2016				585.904
	a.Cước dịch vụ viễn thông				0
	b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	c. Chiết khấu + đa dịch vụ				0
	d. Khuyến mại				0
	e. Trừ đặt cọc + trích thưởng + Nợ cũ				0
Cộng tiền dịch vụ (A)= (a+b-c-d):					585.904
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% x (a-c-d) = Tiền thuế GTGT (VAT amount) (B):					58.590
Tổng cộng tiền thanh toán (C) = (A+ B - e) :					644.494
Số tiền viết bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm chín mươi tư đồng.					
Người nộp tiền (Ký, ghi rõ họ tên)				Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Đại diện giao dịch (Ký, ghi rõ họ tên)	

Biểu 2.19: Phiếu chi số 26

<p>Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh</p>		<p>Mẫu số 02-TT QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC</p>		
<p>PHIẾU CHI</p>		<p>Số: 26</p>		
<p>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</p>				
		Nợ TK 642	:	585.904
		Nợ TK 1331	:	58.590
		Có TK 1111	:	644.494
<p>Họ và tên người nhận tiền: Bùi Thị Huyền Tâm</p> <p>Địa chỉ: Văn phòng công ty</p> <p>Lý do chi: Thanh toán tiền cước điện thoại theo HĐ 0219058</p> <p>Số tiền: 644.494, đồng</p> <p>Viết bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm chín mươi tư đồng.</p> <p>Kèm theo: 1 chứng từ gốc.</p>				
		<p>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</p>		
<p>Giám đốc</p> <p><i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p>	<p>Kế toán trưởng</p> <p><i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p>	<p>Người lập phiếu</p> <p><i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p>	<p>Thủ quỹ</p> <p><i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p>	<p>Người nộp tiền</p> <p><i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i></p>

Biểu 2.20: Bảng danh mục TSCĐ và mức trích khấu hao

Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân

Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh

DANH MỤC TSCĐ VÀ MỨC TRÍCH KHẤU HAO

Năm 2016

Đvt: đồng

Stt	Tên TSCĐ	Nguyên giá	Ngày SD	Thời gian SD	Thời gian hết KH	Mức KH	Số đã trích			Tổng cộng	Ghi chú
							Tháng 1	...	Tháng 12		
Chi phí quản lý kinh doanh											
1	Máy in	36.000.000	T10/2015	3 năm	T10/2018	1.000.000	1.000.000		1.000.000	12.000.000	
2	Bộ máy tính	44.640.000	T04/2015	4 năm	T04/2019	1.240.000	1.240.000		1.240.000	14.880.000	
3	Xe ô tô con 14M 3618	558.000.000	T12/2015	10 năm	T12/2025	4.650.000	4.650.000		4.650.000	55.800.000	
	Tổng cộng	638.640.000				6.890.000	6.890.000		6.890.000	82.680.000	
Ngày 31 tháng 12 năm 2016											

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.21: Sổ nhật ký chung
Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân
Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số S03a-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
30/12	HD0129057 PC 26/12	30/12	Cô Thom thanh toán tiền điện theo HD 0219057	642	527.366	
				1331	52.737	
				1111		580.103
31/12	HD 0219058 PC 27/12	31/12	Cô Tâm thanh toán tiền cước điện thoại theo HD 0219058	642	585.904	
				1331	58.590	
				1111		644.494
31/12	Bảng lương T12/2016	31/12	Lương phải trả nhân viên văn phòng T12/2016	642	38.750.000	
				334		38.750.000
31/12	Bảng TSCĐ và trích KH	31/12	Trích khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận QLKD T12/2016	642	6.890.000	
				214		6.890.000
.....
31/12	PHT 19/12	31/12	K/c chi phí quản lý kinh doanh	911	53.174.905	
				642		53.174.905
			Cộng		7.211.553.173	7.211.553.173

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.22: Sổ cái TK 642
Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân
Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số S03b - DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Tháng 12 năm 2016

DVT: đồng

NT ghi sổ	Ctù		Diễn giải	TKĐU'	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
					
30/12	HĐ 0219058 PC 26/12	30/12	Cô Thơm thanh toán tiền cước điện thoại theo HĐ 0219057	1111	527.366	
31/12	HĐ 0219057 PC 27/12	31/12	Cô Tâm thanh toán tiền cước điện thoại theo HĐ 0219058	1111	585.904	
31/12	BL T12/2016	31/12	Lương phải trả nhân viên văn phòng T12/2016	334	38.750.000	
...
31/12	Bảng TSCĐ và trích KH	31/12	Trích khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận QLKD T12/2016	214	6.890.000	
31/12	PHT 19/12	31/12	K/c chi phí quản lý kinh doanh	911		53.174.905
			Cộng số phát sinh		53.174.905	53.174.905
			Dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.5.1. Đặc điểm xác định kết quả kinh doanh

Lợi nhuận thực hiện bao gồm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận hoạt động khác.

- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh: là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí.

- Lợi nhuận từ hoạt động khác gồm:

+ Lợi nhuận từ hoạt động tài chính: Là khoản chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính và chi phí tài chính gồm: hoạt động cho thuê tài sản, lãi thu được từ tiền gửi ngân hàng,...

+ Lợi nhuận sau thuế được doanh nghiệp sử dụng để bổ sung các quỹ, bổ sung nguồn vốn kinh doanh,...

2.2.5.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu hạch toán
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái các TK 911, 821, 421,...

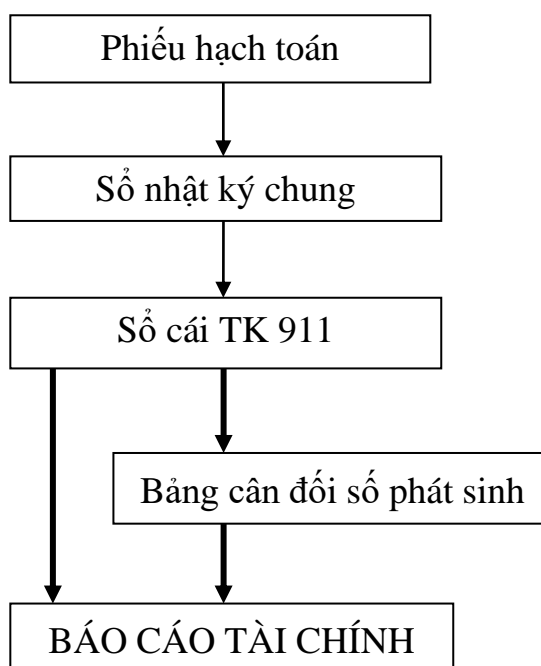
2.2.5.3. Tài khoản sử dụng

- TK 911: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Các TK liên quan khác như: TK 821, 632, 511, 642,...

2.2.5.4. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân

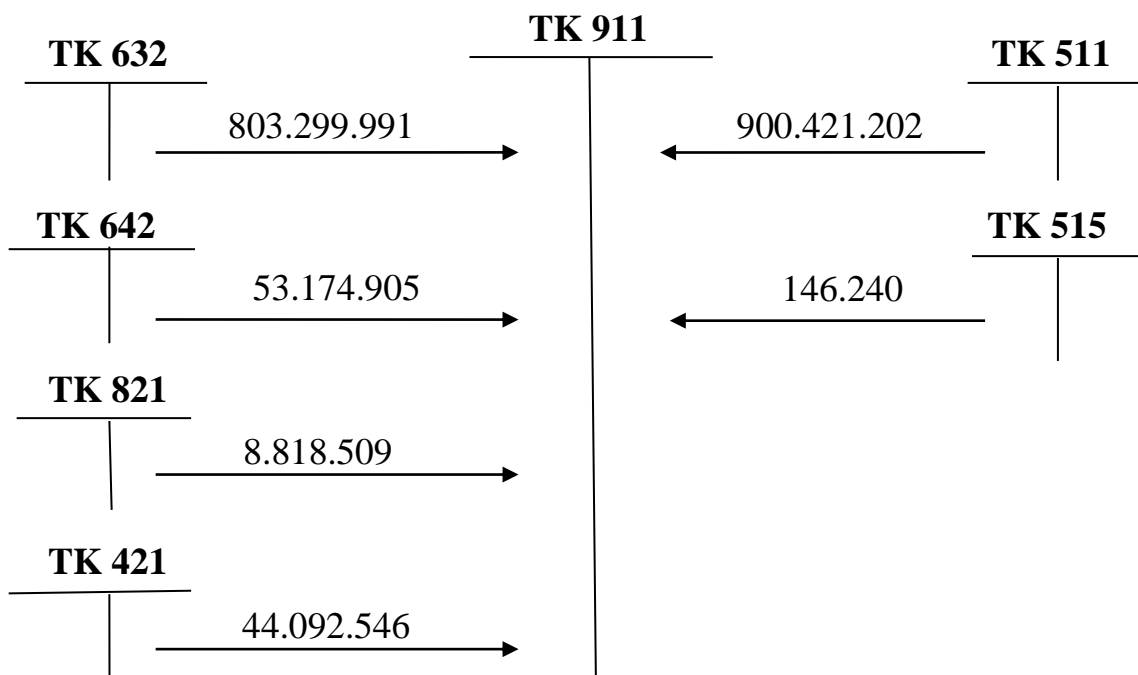


Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ: \longrightarrow

Sơ đồ 2.8: Sơ đồ quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân



Cuối tháng căn cứ vào các bút toán thực hiện kết chuyển, các phiếu kê toán để ghi sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 911. Khi đó:

$$\begin{aligned}
 \text{Lợi nhuận trước thuế} &= 900.421.202 + 146.240 - 803.299.991 - 53.174.905 \\
 &= 44.092.546 \\
 \text{Thuế TNDN} &= 44.092.546 \times 20\% \\
 &= 8.818.509 \\
 \text{Lợi nhuận sau thuế} &= 44.092.546 - 8.818.509 \\
 &= 35.274.037
 \end{aligned}$$

Suy ra: Kết quả kinh doanh T12/2016 của doanh nghiệp là Lãi

Biểu 2.23: Phiếu hạch toán

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số: 19/12

Đối tượng: Kết chuyển chi phí

Đvt: đồng

Stt	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	53.174.905	
2	Kết chuyển giá vốn	911	632	803.299.991	
	Cộng			856.474.896	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.24: Phiếu hạch toán

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số: 20/12

Đối tượng: Kết chuyển doanh thu

Đvt: đồng

Stt	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	900.421.202	
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	146.240	
	Cộng			900.567.442	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.25: Phiếu hạch toán

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số: 21/12

Đối tượng: Xác định thuế TNDN phải nộp

Đvt: đồng

Stt	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Thuế TNDN phải nộp	821	3334	8.818.509	
	Cộng			8.818.509	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.26: Phiếu hạch toán

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số: 22/12

Đối tượng: Kết chuyển chi phí thuế TNDN

Đvt: đồng

Stt	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	8.818.509	
	Cộng			8.818.509	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.27: Phiếu hạch toán

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số: 23/12

Đối tượng: Kết chuyển lãi

Đvt: đồng

Stt	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Kết chuyển lãi	911	421	35.274.037	
	Cộng			35.274.037	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.28: Sổ nhật ký chung

**Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân
Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh**

**Mẫu số S03a-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
31/12	PHT 19/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911 642	53.174.905	53.174.905
31/12	PHT 19/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911 632	803.299.991	803.299.991
31/12	PHT 20/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511 911	900.421.20 2	900.421.202
31/12	PHT 20/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515 911	146.240	146.240
31/12	PHT 21/12	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	821 3334	8.818.509	8.818.509
31/12	PHT 22/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	8.818.509	8.818.509
31/12	PHT 23/12	31/12	Kết chuyển lãi	911	35.274.037	

				421		35.274.037
			Cộng		7.211.553.173	7.211.553.173

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.29: Sổ cái TK 911

Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân
Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số S03b-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ'	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			
31/12	PHT 19/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	53.174.905	
31/12	PHT 19/12	31/12	Kết chuyển giá vốn	632	803.299.991	
31/12	PHT 20/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và CCDV	511		900.421.202
31/12	PHT 20/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		146.240
31/12	PHT 22/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	8.818.509	
31/12	PHT 23/12	31/12	Kết chuyển lãi	421	35.274.037	
			Cộng phát sinh		900.567.442	900.567.442
			<u>Dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.30: Sổ cái TK 421

**Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân
Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh**

**Mẫu số S03b-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>			42.299.509
31/12	PHT 23/12	31/12	Kết chuyển lãi	911		35.274.037
			Cộng phát sinh			35.274.037
			<u>Dư cuối kỳ</u>			<u>77.573.546</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CẢNG CÁI LÂN

3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CẢNG CÁI LÂN

Trong nền kinh tế thị trường ngày nay, các doanh nghiệp chịu tác động không nhỏ đến từ những biến động của nền kinh tế. Vì vậy, một doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển được đòi hỏi nhà quản trị doanh nghiệp phải có những chiến lược kinh doanh đúng đắn. Để phục vụ cho công tác quản lý, các nhà quản trị đưa ra được những quyết định chính xác góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để làm được điều đó việc tổ chức bộ máy kế toán góp một phần không nhỏ. Trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân em nhận thấy công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng tại công ty có những ưu điểm và nhược điểm sau:

3.1.1. Ưu điểm

a) Về tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Là một công ty có quy mô nhỏ, chủ yếu hoạt động kinh doanh dịch vụ, vì vậy việc áp dụng mô hình tổ chức công tác kế toán tập trung là khá phù hợp. Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hoá của cán bộ kế toán, đồng thời phát huy được trình độ của mỗi nhân viên.

Về nhân sự, bộ phận kế toán có sáu người gồm một kế toán trưởng và năm kế toán viên rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có bề dày kinh nghiệm, vững vàng kiến thức chuyên môn giúp cho công tác kế toán tại công ty đạt hiệu quả cao.

b) Về sổ sách kế toán sử dụng

Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác, theo mẫu hướng dẫn của Nhà nước. Không cứng nhắc theo các mẫu sổ kế toán được quy định, kế toán công ty còn sáng tạo, tìm tòi lập ra nhưng sổ kế toán mới phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế, yêu cầu quản lý của công ty nhưng vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh đúng, chính xác, minh bạch nội dung nghiệp vụ kinh tế, tăng hiệu quả giám sát, quản lý và đối chiếu.

c) Về chứng từ kế toán sử dụng

Công ty sử dụng đúng chứng từ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).

Chứng từ kế toán liên quan đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh như: hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, bảng khấu hao, phân bổ,... của công ty được lập rõ ràng, chính xác theo nội dung quy định trên mẫu.

Về công tác kế toán giá vốn: công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác hạch toán giá vốn.

Về công tác kế toán doanh thu: mọi nghiệp vụ bán hàng đều được kế toán ghi nhận vào doanh thu một cách kịp thời và đầy đủ, chính xác về nội dung. Khi bán hàng kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT thành 3 liên: liên 1 lưu tại quầy, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 lưu nội bộ làm căn cứ để ghi sổ kế toán.

Về công tác xác định kết quả hoạt động kinh doanh: do kế toán đã quản lý, theo dõi tốt các khoản doanh thu, chi phí đề cập ở trên vì thế công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được thực hiện một cách dễ dàng, cung cấp cho giám đốc những thông tin kế toán chính xác, kịp thời, qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

d) Về hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” là phù hợp. Đây là hình thức sổ kế toán đơn giản, giúp cho kế toán thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu kế toán mà còn tiết kiệm được thời gian và công sức, tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời. Với sự hỗ trợ của kế toán máy Excel, việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được nhanh chóng hơn, tiết kiệm thời gian và công sức.

3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty

Bên cạnh những ưu điểm đề cập ở trên công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân còn tồn tại những mặt hạn chế sau đây:

Về tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty không mở các sổ nhật ký chuyên dùng như sổ nhật ký bán hàng và sổ nhật ký thu tiền; điều này gây khó khăn cho việc theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng, nhất là hình thức bán hàng thu tiền sau và việc đối chiếu sổ sách kế toán, công việc dồn vào sổ Nhật ký chung.

Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

Công tác kế toán được thực hiện trên Excel đã phần nào giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán nhưng do không áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nên nhà quản trị và nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn. Cụ thể:

- Với nhà quản trị sẽ phải phân chia bộ phận kế toán sao cho mỗi kế toán phụ trách một phần hành kế toán. Mặt khác khi muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ phải đợi kế toán cập nhật và tính toán đầy đủ các thông tin tổng hợp vì vậy nhà quản trị không thể kiểm soát và tra cứu thông tin nhanh chóng, tức thời.

- Với nhân viên kế toán thì mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải hạch toán vào các chứng từ, sổ sách liên quan nên phải cập nhật thông tin nhiều lần cho mỗi nghiệp vụ, tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay, đặc biệt làm báo cáo tài chính rất vất vả.

Về tài khoản sử dụng

Hiện nay công ty chưa mở tài khoản chi tiết cho TK 632 dẫn đến khó theo dõi giá vốn cho từng mặt hàng

Về việc áp dụng chính sách ưu đãi đối với khách hàng

Hiện nay công ty không có nhiều chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu như: chiết khấu thương mại,... Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp kích thích được nhu cầu khách, thu hút được nhiều khách hàng nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

3.2. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CẢNG CÁI LÂN

3.2.1. Ứng dụng phần mềm kế toán

Thị trường ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao làm cho nhu cầu nhận và xử lý thông tin ngày càng trở nên khó khăn, phức tạp vì thế để tăng hiệu quả trong công tác kế toán, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức. Phần mềm kế toán cung cấp tức thì bất kỳ số liệu và báo cáo kế toán nào, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí và tăng cường tính chuyên nghiệp của nhân sự làm gia tăng giá trị chất lượng trong mắt đối tác, khách hàng.

Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán:

- Chính xác: Các chương trình kế toán có độ chính xác rất cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót duy nhất của doanh nghiệp gặp phải có thể là do nhập sai dữ liệu và thông tin sai lệch ngay từ đầu.

- Tiết kiệm thời gian: Phần mềm kế toán được thiết kế giúp các doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và làm

thao tác. Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán.

- Dễ sử dụng: Phân hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng dễ dàng.

Đối với bộ phận kế toán tài chính:

- Hỗ trợ tối đa công tác hạch toán, làm sổ sách theo quy định.
- Thực hiện các chức năng kế toán quản trị phục vụ yêu cầu của nhà quản lý.
- Có được giải pháp, quy trình chuẩn và kế toán tài chính tuân thủ hoàn toàn theo quy định của bộ tài chính và pháp luật Việt Nam.
- Có thể trả lời nhanh các câu hỏi của nhà quản lý liên quan đến con số như: doanh thu, chi phí, lãi - lỗ, tiền tại quỹ, ngân hàng, công nợ, kho hàng hóa...

Đối với nhà quản lý:

- Nắm được các thông tin tức thời từ các hoạt động của công ty khi truy cập trực tiếp trên chương trình phần mềm.
- Có các thông tin thể hiện dưới dạng bảng biểu, con số thống kê, đồ họa minh họa.
- Tiết kiệm được thời gian quản lý tài chính cho nhà quản lý.
- Nhà quản lý có khả năng truy xuất trực tiếp trên phần mềm để xem các báo cáo, thông tin, hoàn toàn chủ động với số liệu kế toán tài chính.
- Luôn chủ động trong công việc hàng ngày, hàng tháng.

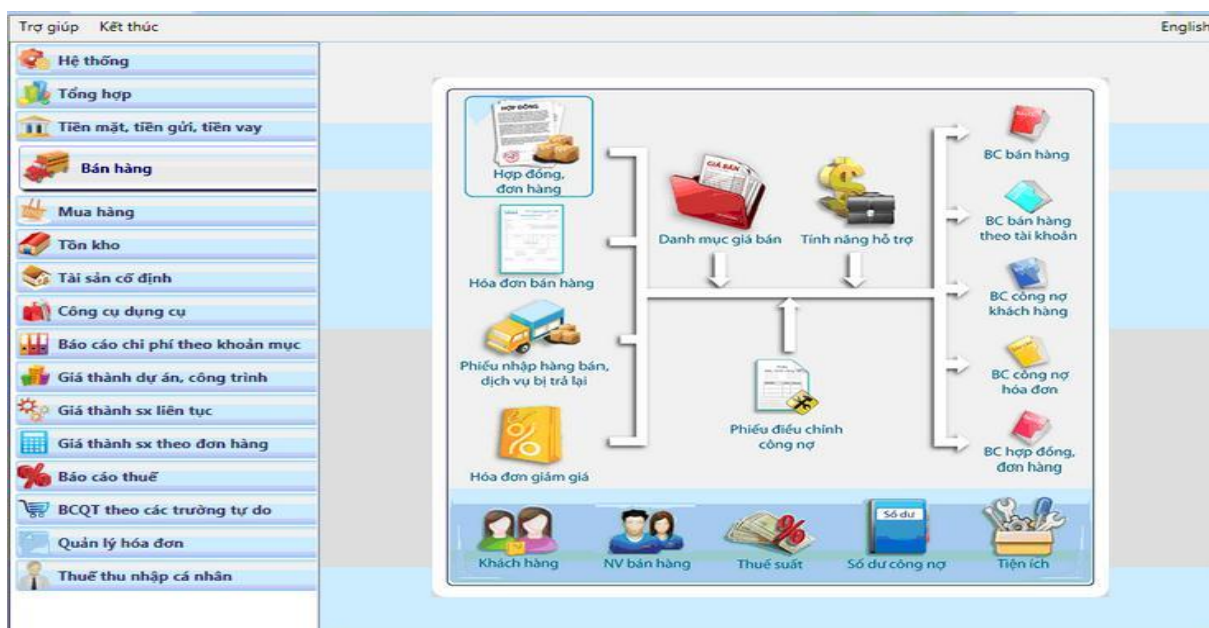
Đối với các bộ phận khác:

Quan hệ giữa các phòng trở nên thuận tiện hơn, phối hợp thông tin giữa các phòng ban tránh các công việc trùng lặp.

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như:

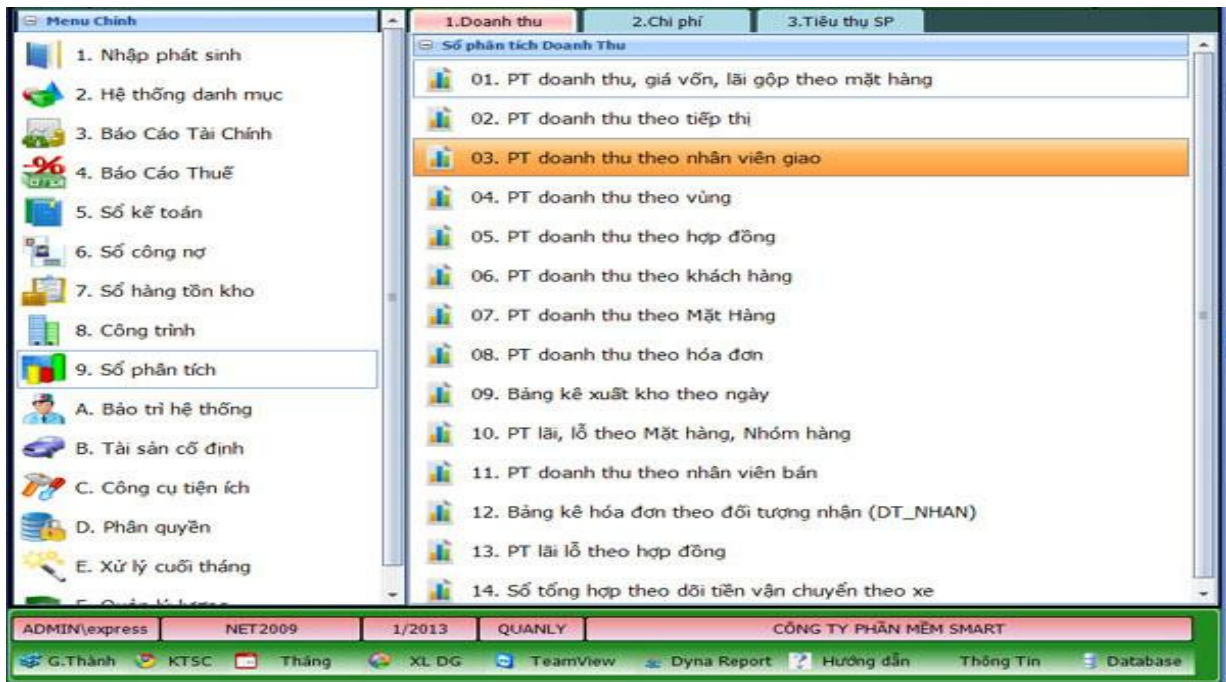
Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING

Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.



Fast Accounting có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet. Đặc biệt Fast Accounting cho phép chạy trên web - based giúp cho người sử dụng không phải cài đặt phần mềm trên máy tính, chỉ cần truy cập qua địa chỉ trên web, gõ tên và mật khẩu là có thể làm việc bình thường. Điều này tạo thuận lợi khi làm việc từ xa và khi mở rộng thêm văn phòng, chi nhánh,... Hiện nay Fast có nhiều sản phẩm phù hợp với các loại hình doanh nghiệp.

Phần mềm kế toán SMART



Phần mềm kế toán Smart phù hợp với các doanh nghiệp Xây dựng, Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ, XNK,...

Phần mềm kế toán MISA



Phần mềm Misa là giải pháp cho các loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ được áp dụng trong các trường hợp: doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp thương mại có quy mô đơn giản, có mức độ quản lý không quá phức tạp hay những doanh nghiệp có yêu cầu về quản trị cao hơn và có mô hình hoạt động lớn

ở mức độ tương đối hoặc những doanh nghiệp thực hiện kinh doanh ở nhiều lĩnh vực.

Phần mềm Misa có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng, những người mới bắt đầu sử dụng phần mềm cũng sẽ cảm thấy thoải mái, không nhức mắt, cho phép cập nhật dữ liệu như nhiều hóa đơn 1 phiếu chi một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ theo quy định ban hành. Và điểm nổi trội nữa của Misa là chức năng thao tác lưu và ghi sổ dữ liệu khá nhanh chóng; công nghệ bảo mật dữ liệu cao.

3.2.2. Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại công ty

Khi hạch toán giá vốn hàng bán, kế toán nên hạch toán chi tiết giá vốn của hàng hóa bán ra vì thông qua doanh thu và giá vốn chi tiết, ta có thể xác định được lãi gộp của từng mặt hàng. Đồng thời có hạch toán chi tiết giá vốn của từng loại mặt hàng bán ra thì doanh nghiệp mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hóa đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo sức cạnh tranh trên thị trường của công ty. Vì vậy công ty nên mở thêm sổ chi tiết theo dõi giá vốn hàng bán.

Ví dụ: Ngày 10/12/2016 xuất kho thép mạ kẽm nhúng nóng Ø21/ 1,6 ly theo HĐ 0000731 – Công ty TNHH Xuân Hòa 16.874.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%), khách hàng chưa thanh toán.

Kế toán tiến hành như sau: lập phiếu xuất kho số 32/12 (**biểu 3.1**), sau đó ghi vào sổ chi tiết giá vốn hàng bán (**biểu 3.2**) và sổ tổng hợp chi tiết giá vốn hàng bán (**biểu 3.3**).

Biểu 3.1: Phiếu xuất kho số 29/12

Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ				Mẫu số 02-VT			
Cảng Cái Lân				(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC			
Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long,				Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng			
Quảng Ninh				BTC)			
PHIẾU XUẤT KHO							
Ngày 10 tháng 12 năm 2016				Số: 632			
Số: PX 29/12				Có: 156			
Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Thanh An							
Địa chỉ (bộ phận):							
Lý do xuất kho: Xuất kho hàng bán							
Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa				Địa điểm:			
Stt	Tên, nhãn hiệu	Mã hàng	Đvt	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø21/1,6 ly	F2116	Kg	650	650	21.451	13.943.150
Cộng				650	650		13.943.150
Tổng số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn một trăm năm mươi đồng.							
Người lập phiếu		Người nhận hàng		Thủ kho		Kế toán trưởng	
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)	
						Ngày 10 tháng 12 năm 2016	
						Giám đốc	
						(Ký, họ tên)	

Biểu 3.2: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân

Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tên sản phẩm: Thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø21/1,6 ly Mã hàng hóa: F2116

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Ctù		Diễn giải	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	SH	NT				
					
3/12	PX 20/12	3/12	Xuất bán cho công ty TNHH Trúc Mai	500	21.451	10.725.500
10/12	PX 29/12	10/12	Xuất bán cho công ty TNHH Xuân Hòa	650	21.451	13.943.150
					
			Cộng phát sinh	1600		31.675.560

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 3.3: Sổ tổng hợp giá vốn hàng bán

Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân

Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

Stt	Tên sản phẩm	Giá vốn hàng bán
1	Thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø21/1,6 ly	31.675.560
2	Thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø27/1,6 ly	34.321.600
3	Thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø34/3,2 ly	12.291.000
4	Thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø42/2,1 ly	20.425.300
5	Thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø49/2,5 ly	36.104.400

	Cộng	681.963.959

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

3.2.3. Mở sổ nhật ký đặc biệt trong công tác kế toán bán hàng

Hệ thống sổ kế toán ở mỗi công ty đều có vai trò rất quan trọng. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty chỉ thực sự có hiệu quả khi có một hệ thống sổ kế toán phù hợp với quy mô và quy trình kinh doanh tại công ty. Một hệ thống sổ kế toán hoàn thiện thì phải bao gồm từ hệ thống sổ chi tiết tới tổng hợp.

Công ty nên mở sổ nhật ký đặc biệt: nhật ký thu tiền, nhật ký bán hàng để theo dõi việc bán hàng, thu tiền nhằm nâng cao tín hiệu quả trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán bán hàng nói riêng.

Các mẫu sổ nhật ký đặc biệt ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Từ chứng từ kế toán kế toán ghi vào sổ nhật ký đặc biệt.

Sổ nhật ký bán hàng dùng để ghi chép các nghiệp vụ bán hàng của công ty, ghi chép các nghiệp vụ bán hàng theo hình thức thu tiền sau.

Sổ nhật ký thu tiền dùng để ghi chép các nghiệp vụ thu tiền của công ty. Sổ này mở riêng cho thu tiền mặt, thu tiền ngân hàng, cho từng loại tiền.

Biểu 3.4: Sổ nhật ký bán hàng

Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân
Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh

Mẫu số: S03a4-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG

Tháng 12 năm 2016

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Phải thu người mua (Ghi nợ)	Ghi Có TK doanh thu		
	SH	NT			5111	3331	5113
			Số trang trước chuyển sang				
				
22/12	HĐ 0000740	22/12	Doanh thu bán hàng TNHH Trúc Mai		15.900.000	1.590.000	
				
30/12	HĐ 0000759	30/12	Doanh thu bán hàng Cty CP Thiên Bảo		28.850.000	28.850.000	
			Cộng chuyển sang trang sau				

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi số
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 3.5: Sổ Nhật ký thu tiền

**Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân
Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh**

**Mẫu số: S03a1-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC**

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN

Tháng 12 năm 2016

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 1111	Ghi có các tài khoản				
	SH	NT			5111	5113	3331	Tài khoản khác	
							
			Số trang trước chuyển						
								
18/12	HĐ 0000722	18/12	Bán hàng cho cty CP Thiên Bảo	4.620.000 420.000	4.200.000		420.000		
								
20/12	HĐ 0000756	20/12	Bán hàng cho cty TNHH Trúc Mai	18.095.000 1.645.000	16.450.000		1.645.000		
								
			Cộng chuyển trang sau						

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

3.2.4. Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ giúp kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm tăng khả năng tiêu thụ hàng.

Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành.

- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

Quy định khi hoạch toán chiết khấu thương mại

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng lần cuối. Khoản chiết khấu này không được hoạch toán vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua chiết khấu thương mại ghi ngoài hóa đơn. Khoản chiết khấu thương mại này được hoạch toán vào TK 5211.

Phương pháp hạch toán

Tài khoản sử dụng: **TK 5211** - Chiết khấu thương mại

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ kế toán ghi:

Nợ TK 5211 – Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111, 112, 131

Cuối tháng kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho

người mua sang TK 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 5211 – Chiết khấu thương mại

Ví dụ: Ngày 10/12/2016, xuất bán hàng cho công ty TNHH Xuân Hòa theo HĐ 0000731 với số tiền là 16.874.000 (giá đã gồm thuế VAT 10%). Khách hàng chưa thanh toán.

Khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn thì công ty có thể cho khách hàng hưởng chiết khấu thương mại là 5% trừ vào nợ phải thu. Áp dụng vào hóa đơn bán hàng số 0000731.

Kế toán định khoản như sau:

Ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 131 : 16.874.000

Có TK 5111: 15.340.000

Có TK 3331: 1.534.000

Khoản chiết khấu thương mại phát sinh:

Nợ TK 5211 : 767.000

Nợ TK 3331 : 76.700

Có TK 131 : 843.700

Kết chuyển chiết khấu thương mại:

Nợ TK 5111 : 767.000

Có TK 5211: 767.000

Biểu 3.6: Hóa đơn GTGT số 0000731

<p>Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh</p>				<p>Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/14P Số: 0000731</p>	
<p>HOÁ ĐƠN GTGT Liên 3: Nội bộ Ngày 10/12/2016</p>					
<p>Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CPTM&DV CẢNG CÁI LÂN Mã số thuế: 5701782604 Địa chỉ: Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh Số TK: 7114633780</p>					
<p>Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH Xuân Hòa Mã số thuế: 5701034333 Địa chỉ: 35 Trần Quốc Toản, tp. Cẩm Phả, Quảng Ninh Số TK: 6904639108 Hình thức thanh toán: TM</p>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép ống mạ kẽm nhúng nóng Ø21/1,6 ly	Kg	650	23.600	15.340.000
Cộng tiền hàng:					15.340.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1.534.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					16.874.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu tám trăm bảy mươi tư nghìn đồng.					
<p>Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p>Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p>Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)</p>	

Biểu 3.7. Phiếu chi số 22

Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh		Mẫu số 02-TT QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC		
PHIẾU CHI		Số: 22		
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
		Nợ TK 642	: 767.000	
		Nợ TK 1331	: 76.700	
		Có TK 1111	: 843.700	
Họ và tên người nhận tiền: Bùi Thị Lan				
Địa chỉ: công ty TNHH Xuân Hòa				
Lý do chi: Chiết khấu cho công ty TNHH Xuân Hòa				
Số tiền: 843.700, đồng				
Viết bằng chữ: Tám trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm đồng.				
Kèm theo: 1 chứng từ gốc.				
		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
Giám đốc <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Người lập phiếu <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Người nộp tiền <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>

Biểu 3.8: Phiếu hạch toán số 25/12

Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân

Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh

PHIẾU HẠCH TOÁN

Số: 25/12

Đơn vị: đồng

Stt	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Chiết khấu cho công ty TNHH Xuân Hòa	511	521	767.000	
	Cộng			767.000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 3.: Sổ nhật ký chung

**Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân
Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh**

**Mẫu số S03a-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
					
12/12	HĐGTGT 0000731	12/12	Doanh thu bán hàng cho Cty TNHH Xuân Hòa	131	16.874.000	
				5111		15.340.000
				3331		1.534.000
12/12	PHT 25/12, PC 22	12/12	Chiết khấu cho công ty TNHH Xuân Hòa	5211	767.000	
				3331	76.700	
				131		843.700
					
31/12	HĐGTGT 0219057 PC 26/12	31/12	Cô Thơm thanh toán tiền cước điện thoại theo HĐ 0219057	642	585.904	
				1331	58.590	
				1111		644.494
31/12	PHT 25/12	31/12	Kết chuyển chiết khấu thương mại	5111	767.000	
				5211		767.000
					
			Cộng		7.211.553.173	7.211.553.173

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 3.10: Sổ cái TK 521

**Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân
Khu cảng Cái Lân, p.Bãi Cháy, tp.Hạ Long, Quảng Ninh**

**Mẫu số S03b-DNN
(QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Các khoản giảm trừ doanh thu

Số hiệu: 521

Tháng 12 năm 2016

ĐVT: đồng

NT ghi sổ	Ctư		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
12/12	PHT 25/12, PC 22	12/12	Chiết khấu cho công ty TNHH Xuân Hòa	131	767.000	
31/12	PHT 18/12	31/12	Kết chuyển chiết khấu thương mại	5111		767.000
			Cộng số phát sinh		767.000	767.000
			Dư cuối kỳ			

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó, các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh tăng thu nhập.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân cùng với những kiến thức đã được học tại trường đã giúp em nhận thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trong quá trình thực tập tại công ty được sự quan tâm giúp đỡ của ban lãnh đạo, đặc biệt là các cán bộ phòng kế toán trong công ty đã giúp em học hỏi được rất nhiều về thực hành kế toán.

Bài viết đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân.

Nội dung của đề tài khóa luận này là rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm thực tiễn. Với trình độ còn hạn chế, thời gian thực tập và nghiên cứu không nhiều do vậy bài làm của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự góp ý từ phía các thầy, cô.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Th.s Nguyễn Thị Thúy Hồng và phòng Kế toán Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Cảng Cái Lân đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (Năm 2015), Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) — Hệ thống tài khoản kế toán, NXB Giao thông vận tải.
2. Bộ Tài chính (Năm 2015), Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) - Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán, NXB Giao thông vận tải
3. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
4. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), *Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội.